

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

HÀ VĂN NĂM

**ĐẢM BẢO QUYỀN BÀO CHỮA CỦA BỊ CÁO
DƯỚI 18 TUỔI TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ**

HÀ NỘI, 2018

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

HÀ VĂN NĂM

**ĐẢM BẢO QUYỀN BÀO CHỮA CỦA BỊ CÁO
DƯỚI 18 TUỔI TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Ngành: Luật hình sự và Tổ tụng hình sự

Mã số: 8.38.01.04

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS.TS. NGUYỄN NGỌC CHÍ

HÀ NỘI, 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực.

Người cam đoan

Hà Văn Năm

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐẢM BẢO QUYỀN BÀO CHỮA CỦA BỊ CÁO DƯỚI 18 TUỔI TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ	8
1.1. Khái niệm quyền bào chữa của bị cáo dưới 18 tuổi trong tố tụng hình sự	8
1.2. Vai trò và đặc điểm của đảm bảo quyền bào chữa của bị cáo dưới 18 tuổi.....	16
1.3. Các yếu tố đảm bảo quyền bào chữa của bị cáo dưới 18 tuổi	23
Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ ĐẢM BẢO QUYỀN BÀO CHỮA CỦA BỊ CÁO DƯỚI 18 TUỔI VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI	30
2.1. Quy định của pháp luật về đảm bảo quyền bào chữa của bị cáo dưới 18 tuổi.....	30
2.2. Thực tiễn đảm bảo quyền bào chữa của bị cáo dưới 18 tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội	37
Chương 3: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẢM BẢO QUYỀN BÀO CHỮA CỦA BỊ CÁO DƯỚI 18 TUỔI	57
3.1. Quan điểm đảm bảo quyền bào chữa của bị cáo là người dưới 18 tuổi trong giai đoạn hiện nay.....	57
3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả đảm bảo quyền bào chữa của bị cáo là người chưa thành niên	60
KẾT LUẬN	75
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	76

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	:	Bộ luật hình sự
BLTTHS	:	Bộ luật tố tụng hình sự
CQĐT	:	Cơ quan điều tra
KSV	:	Kiểm sát viên
QBC	:	Quyền bào chữa
TAND	:	Tòa án nhân dân
TTHS	:	Tố tụng hình sự

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Những thành tựu về mặt kinh tế xã hội kể từ khi chúng ta tiến hành đổi mới toàn diện đất nước đã khẳng định định hướng đúng đắn cho con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trong thời đại mới. Tăng trưởng kinh tế tạo điều kiện cho việc thực hiện công cuộc đổi mới trong các lĩnh vực. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, về mặt xã hội: tình hình vi phạm pháp luật, tội phạm xảy ra nghiêm trọng, diễn biến ngày càng phức tạp, quá trình giải quyết vụ án hình sự còn gặp nhiều vướng mắc.

Nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa trong tố tụng hình sự là nguyên tắc Hiến định, được ghi nhận tại tất cả các bản Hiến pháp của Việt Nam.

Đối với những vụ án có người dưới 18 tuổi phạm tội. Với những vấn đề nêu trên, quy định của pháp luật TTHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đặt ra những vấn đề cần phải hoàn thiện theo hướng cần thiết phải có những quy định cụ thể, chặt chẽ, thống nhất hơn nữa trong Bộ luật TTHS về thủ tục tố tụng đối với bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Về mặt thực tiễn, việc khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử đối với những vụ án mà bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi trong những năm qua cho thấy khi áp dụng những quy định về thủ tục đặc biệt này còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập. Nguyên nhân một phần là do cơ quan THTT chưa nắm vững và vận dụng chưa chính xác, triệt để quy định của pháp luật tố tụng liên quan đến quá trình giải quyết vụ án do người dưới 18 tuổi phạm tội và một phần do nhận thức của một bộ phận cán bộ những người THTT còn xem nhẹ vai trò CCTP, thậm chí do lợi ích cục bộ, không chấp hành nghiêm ngặt các quy định của pháp luật TTHS, thiếu tôn trọng và xem nhẹ quyền lợi của bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Hà Nội với diện tích rộng, dân số đông. Hàng năm, các cơ quan tiến hành tố tụng tại Hà Nội đã khởi tố hàng ngàn vụ án với hàng chục

ngàn bị can trong các vụ án hình sự. Trong số các bị can đã khởi tố, có không ít bị can là người dưới 18 tuổi. Trong các vụ án hình sự có bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi, các cơ quan tiến hành tố tụng tại thành phố Hà Nội đã đảm bảo quyền bào chữa của các bị cáo theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trên thực tế, vẫn có những nơi, những thời điểm, quyền bào chữa của bị can, bị cáo nói chung, và của bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi, chưa thực sự được đảm bảo.

Do đó việc tiếp tục nghiên cứu nhằm làm sáng tỏ thêm về mặt lý luận các quy định về bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và thực tiễn áp dụng để đề ra các giải pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc đóng vai trò rất quan trọng trước yêu cầu cải cách tư pháp, góp phần trong công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Do đó, tác giả quyết định chọn đề tài “ ***Đảm bảo quyền bào chữa của bị cáo dưới 18 tuổi từ thực tiễn thành phố Hà Nội***” làm đề tài luận văn thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Bảo đảm quyền bào chữa là nguyên tắc cơ bản của pháp luật tố tụng hình sự, là nội dung quan trọng trong việc bảo đảm quyền con người. Vấn đề bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo nói chung và của bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội cho đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu, bài viết về quyền bào chữa trong tố tụng hình sự của các nhà nghiên cứu như:

Về tài liệu nghiên cứu là luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ, đề tài nghiên cứu khoa học gồm có công trình:

Luận văn thạc sĩ “Nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo” của tác giả Bùi Bảo Trâm, 2008; Luận án tiến sĩ luật học “Thực hiện quyền bào chữa của bị can, bị cáo trong luật tố tụng hình sự Việt Nam” của tác giả Hoàng Thị Sơn, 2003; Đề tài nghiên

cứu khoa học “Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự nhằm nâng cao hiệu quả xét xử theo tinh thần cải cách tư pháp” của nhóm tác giả do tiến sĩ Hoàng Thị Minh Sơn chủ nhiệm đề tài, 2009.

Tài liệu nghiên cứu là bài viết tạp chí gồm có:

“Thực trạng thực hiện nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo” của tác giả Hoàng Thị Sơn, Tạp chí Luật học, 2002;

“Về khái niệm quyền bào chữa và việc bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo” của tác giả Hoàng Thị Sơn đăng trên Tạp chí Luật học, 2000;

“Người bào chữa và vấn đề bảo đảm quyền của người bào chữa trong tố tụng hình sự Việt Nam” của tác giả Trần Văn Bảy, Tạp chí KHPL, 2001;

“Những điểm mới về trách nhiệm, nghĩa vụ của người bào chữa trong Bộ luật TTHS năm 2003” của tác giả Phạm Hồng Hải, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, 2004;

Vấn đề thực hiện quyền của người bào chữa trong tố tụng hình sự” của tác giả Lê Hồng Sơn, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, 2002.

Nguyễn Văn Tuấn “Bảo đảm quyền có người bào chữa của bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự”, “Quyền bào chữa và sự tham gia của bị cáo ở phiên tòa” và “Bàn về sự tham gia của Luật sư trong các vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên” bài viết “Hoàn thiện những quy định về trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội” của ThS. Cao Thị Oanh đăng trên Tạp chí Luật học số 10 năm 2007, trang 36;

Bài viết của TS. Đỗ Thị Phượng “Sự cần thiết phải thành lập tòa án người chưa thành niên ở Việt Nam” đăng trên Tạp chí TAND số 21 năm 2009, trang 1;

Bài viết “Một số đặc tâm lý của người chưa thành niên phạm tội” đăng trên Tạp chí Luật học, số 1 năm 2008, trang 39;

Bài viết “Việc áp dụng khoản 2, Điều 57 Bộ luật tố tụng hình sự” của Lê Văn Sua đăng trên Tạp chí Dân chủ và Pháp luật số 11 năm 2006, trang 26;

Bài viết “Trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội – một số vấn đề cần được nghiên cứu” của TS. Lê Đăng Doanh đăng trên Tạp chí TAND số 9 năm 2009, trang 25;

Bài viết “Nguyên tắc xử lý người thành niên phạm tội” của ThS. Mai Bộ đăng trên Tạp chí Nghề luật số 3 năm 2008, trang 19;

Bài viết “Những khía cạnh pháp lý hình sự về các hình phạt và biện pháp tư pháp áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội” của TS. Trịnh Tiến Việt đăng trên Tạp chí TAND số 13 năm 2010, trang 9;

Các công trình, bài viết đã nghiên cứu về bảo đảm quyền bào chữa trong tố tụng hình sự nói chung và bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo là người dưới 18 tuổi nói riêng ở nhiều góc độ khác nhau nhưng chỉ dừng ở mức nghiên cứu pháp luật thực định, đi sâu vào các nội dung quyền bào chữa mà chưa nghiên cứu một cách toàn diện, hệ thống về bảo đảm quyền bào chữa dưới khía cạnh nguyên tắc trong tố tụng hình sự trước yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế.

Hiện nay chưa có công trình, bài viết nào nghiên cứu về bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo là người dưới 18 tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Mặt khác, nhiều công trình đã công bố trong thời gian khá lâu khi một số quy định pháp luật liên quan đến bảo đảm quyền bào chữa chưa được ban hành nên cần được tiếp tục nghiên cứu một cách sâu sắc, toàn diện hơn trên tinh thần của chiến lược cải cách tư pháp và thực tiễn áp dụng hiện nay để đưa ra những giải pháp phù hợp với thực tiễn nhất.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận văn là tiếp tục làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo là người dưới 18 tuổi trong tố tụng hình sự Việt Nam; chỉ ra những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế trong thực tiễn bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo là người dưới 18 tuổi ở nước ta nói chung và trên địa bàn thành phố Hà Nội nói riêng. Tác giả đã mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị trong luận văn nhằm hoàn thiện các quy định về bảo đảm quyền bào chữa trong tố tụng hình sự đặc biệt là đối với bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi và các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc theo tinh thần cải cách tư pháp.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Một, phân tích và đánh giá thực tế về QBC của bị can trong xét xử.

Hai, tìm ra thực trạng của những tội của bị can, bị cáo dưới 18 tuổi.

Ba, phân tích và đánh giá thực trạng những quy định của pháp luật là người dưới 18 tuổi phạm tội.

Bốn, phân tích và đánh giá quy định pháp luật của một số quốc gia điển hình về QBC của bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Năm, kiến nghị nâng cao hiệu quả đảm quy định pháp luật Việt Nam về QBC của bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi .

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu khoa học là bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo là người dưới 18 tuổi theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật một số quốc gia.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu các vấn đề về bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo là người dưới 18 tuổi trong luật tố tụng hình sự Việt Nam; các quy định liên quan đến việc bảo đảm quyền bào chữa của người dưới 18 tuổi

này trong pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế; đánh giá thực tiễn áp dụng nguyên tắc trên địa bàn thành phố Hà Nội trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2017; trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng nguyên tắc trên địa bàn tỉnh trước yêu cầu cải cách tư pháp.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận của luận văn là hệ thống quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và của Đảng cộng sản Việt Nam về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân và vì dân, về chính sách hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm của Đảng và Nhà nước ta.

Cơ sở thực tiễn của luận văn là các báo cáo tổng kết, số liệu điều tra, truy tố, xét xử các vụ án có người chưa thành niên tham gia.

Trong khi thực hiện đề tài, các phương pháp hệ thống, phân tích, tổng hợp, lịch sử, logic, thống kê, so sánh pháp luật, xã hội học, ...

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần làm sáng tỏ thêm những vấn đề lý luận và thực tiễn của bảo đảm quyền bào chữa trong tố tụng hình sự đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi trước yêu cầu cải cách tư pháp trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay. Các nghiên cứu của luận văn là tài liệu tham khảo cần thiết cho cán bộ nghiên cứu khoa học, thực tiễn; các sinh viên, học viên cao học chuyên ngành tư pháp hình sự tại các cơ sở đào tạo luật trong quá trình học tập, nghiên cứu, giảng dạy cũng như hoạt động thực tiễn bảo đảm quyền bào chữa trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận văn góp phần làm rõ thực trạng áp dụng việc bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo là người dưới 18 tuổi trong tố tụng hình sự trên địa

bàn thành phố Hà Nội. Trên cơ sở đó đưa ra một số kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền bào chữa trong hoạt động tố tụng, góp phần thực thi nhiệm vụ bảo đảm quyền con người trước yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay.

7. Kết cấu của luận văn

Luận văn được tác giả giải quyết như sau:

Chương 1: Một số vấn đề chung về bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo dưới 18 tuổi trong tố tụng hình sự

Chương 2: Quy định của pháp luật về bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo là người dưới 18 tuổi và thực tiễn áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội

Chương 3: Quan điểm và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo là người dưới 18 tuổi

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐẢM BẢO QUYỀN BẢO CHỮA CỦA BỊ CÁO DƯỚI 18 TUỔI TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

1.1. Khái niệm quyền bào chữa của bị cáo dưới 18 tuổi trong tổ tụng hình sự

1.1.1. Khái niệm bị cáo là người dưới 18 tuổi

Trước khi xác định khái niệm bị cáo là người dưới 18 tuổi thì chúng ta cần xác định người dưới 18 tuổi phạm tội trong tổ tụng hình sự. Bởi lẽ, bị cáo là người dưới 18 tuổi là một nội dung nhỏ được bao hàm bởi khái niệm người dưới 18 tuổi phạm tội.

Đề cập đến cụm từ "người dưới 18 tuổi phạm tội" là một vấn đề, hiện tượng tồn tại ở tất cả các quốc gia trên thế giới. Theo đó, mỗi quốc gia đều giải quyết vấn đề này dựa trên những điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, tập quán và pháp luật của mỗi nước và với những mức độ, cách thức tiến hành giải quyết khác nhau, nhưng tựu trung này nhằm mục đích tôn trọng, bảo vệ các quyền của người dưới 18 tuổi, nhưng mặt khác, cũng góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống và giáo dục, cải tạo người dưới 18 tuổi khi phạm tội và sau khi họ đã phạm tội.

Do đó, để có thể làm sáng tỏ khái niệm người dưới 18 tuổi phạm tội trong luật hình sự, chúng ta cần làm sáng tỏ khái niệm người dưới 18 tuổi phạm tội trong luật hình sự quốc tế.

Theo thời gian, từ năm 1989 đến nay, ngày càng nhiều quốc gia đã đưa các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế về tôn trọng và bảo vệ các quyền của người dưới 18 tuổi vào trong các văn bản pháp luật quốc gia, đồng thời, việc tăng cường bảo vệ các quyền của trẻ em, quyền của người dưới 18 tuổi cũng là một khía cạnh quan trọng trong hoạt động của các cơ quan và nhiều chương trình của Liên hợp quốc. Bởi lẽ, trẻ em - người dưới 18 tuổi trong pháp luật nói chung và trong lĩnh vực tư pháp hình sự nói riêng là một vấn đề được cả thế giới quan tâm.

Thế hệ trẻ là tương lai của đất nước, quyết định đến sự phát triển hay suy vong của một quốc gia. Tuy nhiên, thực tiễn là trong những năm gần đây, tình trạng người dưới 18 tuổi phạm tội đang ngày một tăng cả về số lượng, tính chất lẫn mức độ vi phạm nghiêm trọng mà Hội nghị lần thứ tám của Liên hợp quốc về phòng ngừa tội phạm và xử lý tội phạm coi đó là "vấn đề toàn cầu".

Do đó, đứng trước thực trạng này, các quốc gia, các tổ chức quốc tế cũng như nhiều nhà khoa học, luật gia, nhà giáo dục học đã có nhiều công trình nghiên cứu bảo đảm không chỉ độ tương thích với pháp luật hình sự quốc tế, mà còn phù hợp với phong tục, truyền thống và thực tiễn của pháp luật quốc gia.

Trẻ em - Người dưới 18 tuổi là một khái niệm được sử dụng khá phổ biến ở nhiều ngành khoa học như y học, xã hội học, tâm lý học, giáo dục học... và dưới nhiều góc độ khác nhau.

Trong pháp luật cũng vậy, mặc dù đã được đề cập đến trong nhiều văn bản pháp luật quốc tế song ở mỗi văn kiện, khái niệm người dưới 18 tuổi lại tồn tại nhiều điểm khác nhau. Trong các văn bản quốc tế và những chương trình của Liên hợp quốc đều sử dụng đồng thời cả hai khái niệm trẻ em và người dưới 18 tuổi.

Tuy vậy, trong một số văn bản, khái niệm trẻ em được gọi hay đồng nhất là người dưới 18 tuổi hoặc thanh, thiếu niên. Không trẻ em nào bị tra tấn hoặc bị đối xử hoặc trừng phạt tàn tệ, vô nhân đạo hay làm mất phẩm giá, không được xử tử hình hoặc tù chung thân mà không có khả năng phóng thích".

Quy tắc Bắc Kinh chỉ ra những mục đích của việc áp dụng pháp luật với người dưới 18 tuổi và bảo đảm rằng bất cứ sự xử lý nào đối với người dưới 18 tuổi phạm tội phải luôn xem xét tới điều kiện, hoàn cảnh của người dưới 18 tuổi và mức độ của tội phạm. Trong Quy tắc, các quy định này còn nhấn mạnh rằng việc đưa các em vào cơ sở quản lý, giáo

dục tập trung chỉ được coi là biện pháp cuối cùng, chỉ nên áp dụng trong một thời gian tối thiểu và cần thiết. Liên quan đến thủ tục xét xử quy tắc này cũng cho rằng, một trẻ em bị quy là phạm tội được hưởng quyền xử lý đúng theo luật định và quyền được hưởng sự đối xử đặc biệt, kể cả sự cần thiết phải "tiến hành tố tụng trong một bầu không khí hiểu biết", tầm quan trọng về sự có mặt của cha mẹ, tôn trọng những điều riêng tư của các em trong tố tụng cũng như hồ sơ và yêu cầu phải có những người được đào tạo chuyên sâu tham gia tố tụng để giải quyết vụ án.

Hay Quy tắc tối thiểu phổ biến của Liên hợp quốc về bảo vệ người dưới 18 tuổi bị tước quyền tự do thông qua ngày 14/12/1990 nêu cụ thể hơn: "Người dưới 18 tuổi là người dưới 18 tuổi. Thậm chí, trong Hướng dẫn của Liên hợp quốc về phòng ngừa phạm pháp ở người dưới 18 tuổi (Hướng dẫn Riyadh) năm 1990 mặc dù không đưa ra một cách cụ thể về khái niệm người dưới 18 tuổi, song thông qua các quy định cũng giúp chúng ta hình thành tư duy "người dưới 18 tuổi là những người dưới 18 tuổi". Đặc biệt, văn bản này còn nhấn mạnh rằng, việc phòng ngừa phạm pháp ở người dưới 18 tuổi là một bộ phận chính yếu của phòng ngừa tội phạm trong xã hội. Ngoài ra, việc phòng ngừa phạm pháp ở người dưới 18 tuổi một cách thành công đòi hỏi phải có sự nỗ lực của toàn xã hội, nhằm bảo đảm sự phát triển hài hoà của người dưới 18 tuổi, tôn trọng và phát triển nhân cách của họ.

Bên cạnh đó, Quy tắc của Liên hợp quốc về bảo vệ người dưới 18 tuổi bị tước quyền tự do (đã nêu) cũng quy định sự tôn trọng các quyền của người dưới 18 tuổi cũng là một bộ phận không thể thiếu của công tác quản lý, giáo dục người phạm tội là người dưới 18 tuổi, có sự liên hệ giữa người dưới 18 tuổi với gia đình, tôn trọng nhân phẩm của các em.

Tóm lại, có một điểm chung mà chúng ta bắt gặp là quan điểm thống nhất về độ tuổi của người dưới 18 tuổi trong các văn bản, công ước quốc tế. Tuy nhiên, sự khác nhau về giới hạn độ tuổi này là điều

không tránh khỏi khi xem xét hệ thống pháp luật của quốc gia, nhưng mặt khác cũng không làm giảm hiệu lực của những quy tắc phổ biến này về mặt pháp lý và thực tiễn áp dụng. Do đó, mặc dù phạm vi nghiên cứu có thể khác nhau song hầu hết các văn kiện quốc tế đều đưa ra quan điểm thống nhất "Người dưới 18 tuổi là người dưới 18 tuổi". Ngoài ra, Công ước quốc tế về quyền trẻ em còn những điều khoản đề nghị (dự phòng) cho các nước quy định về độ tuổi cho người dưới 18 tuổi để các quốc gia căn cứ vào sự phát triển thể chất và tinh thần của công dân nước mình mà có những quy định khác nhau về độ tuổi của người dưới 18 tuổi.

Kể cả khái niệm trẻ em và khái niệm người dưới 18 tuổi đều giới hạn là dưới 18 tuổi, đồng thời đưa ra khả năng mở cho các quốc gia tùy điều kiện kinh tế - xã hội, văn hóa, truyền thống, lịch sử, phong tục và thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện ở nước mình có thể quy định độ tuổi đó sớm hơn. Hay nói cách khác, người dưới 18 tuổi phạm tội dưới góc độ luật hình sự quốc tế được hiểu là người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội. Song một điều đặc biệt quan trọng cần lưu ý rằng - giới hạn độ tuổi phụ thuộc pháp luật của quốc gia thành viên.

Vấn đề tiếp theo cần làm sáng tỏ là khái niệm người dưới 18 tuổi trong luật hình sự Việt Nam. Xuất phát từ khách thể cần bảo vệ các quan hệ xã hội của từng ngành luật khác nhau nên mỗi ngành luật trong hệ thống pháp luật nước ta có sự quy định cũng khác nhau. Còn Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 quy định: "Trẻ em quy định trong Luật này là công dân dưới 16 tuổi" [29].

Quan điểm pháp lý về độ tuổi người dưới 18 tuổi ở Việt Nam phù hợp với quan điểm quốc tế, như tại Điều 1 Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em được Liên hợp quốc thông qua ngày 20/11/1985 hướng dẫn

Riyadh được Liên hợp quốc thông qua ngày 14/12/1990, Những quy tắc tối thiểu phổ biến của Liên hợp quốc, thông qua ngày 14/02/1990.

Nói chung, trong khoa học luật hình sự Việt Nam, căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện, cũng như các đặc điểm liên quan đến tâm - sinh lý, điều kiện kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội, lịch sử, truyền thống của nước ta, về cơ bản các nhà khoa học đều thống nhất về khái niệm người dưới 18 tuổi phạm tội.

Tuy nhiên, trên cơ sở kết quả của nhiều công trình nghiên cứu, khảo sát về tâm lý, đúc kết kinh nghiệm thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm, cũng như căn cứ vào chính sách hình sự của Nhà nước đối với người dưới 18 tuổi, pháp luật hình sự Việt Nam đã quy định khái niệm người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ bao gồm những người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 18 tuổi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội là tội phạm được quy định trong Bộ luật hình sự.

Xét trên phương diện xã hội, người dưới 18 tuổi (trước đây BLHS 1999 dùng thuật ngữ “người chưa thành niên”) là những người chưa hoàn toàn phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần, cũng như chưa phát triển toàn diện về nhân cách. Xét trên phương diện pháp luật, đối tượng này chưa có đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ của một công dân. Trong pháp luật của mỗi quốc gia đều quy định một độ tuổi cụ thể để một người được coi là đã có đủ năng lực để tự mình tham gia vào các quan hệ xã hội cũng như quan hệ pháp luật.

Như vậy, trẻ em trong pháp luật Việt Nam có phạm vi độ tuổi thấp hơn so với người dưới 18 tuổi – đối tượng có các quy định điều chỉnh riêng biệt hơn trong các văn bản pháp luật đã nêu ở trên.

Việc lấy độ tuổi 18 tuổi làm giới hạn để xây dựng các quy phạm pháp luật nói chung và các quy phạm pháp luật hình sự nói riêng mang tính chất riêng biệt hơn là dựa trên cơ sở thực tiễn về sự phát triển về

mặt thể chất và tinh thần của con người và cơ sở lý luận là chính sách pháp luật (hình sự) của mỗi quốc gia Theo đó, người dưới 18 tuổi khi tham gia vào quan hệ pháp luật hình sự sẽ có những quy định riêng biệt hơn về quyền lợi và nghĩa vụ.

Điều 12 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự như sau:

Quy định này đã chỉ rõ phạm vi chịu TNHS của những người dưới 18 tuổi. Phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của của người đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi được chỉ rõ gồm 28 loại tội phạm, Về tính chất các tội phạm mà người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu là *“tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”* và trong 28 tội phạm mà người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự nêu trên đều là các tội phạm có lỗi cố ý.

Đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, BLHS năm 2015 tại khoản 3 Điều 14 quy định rõ *“người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội quy định tại Điều 123, Điều 168 của Bộ luật này thì phải chịu trách nhiệm hình sự”*. BLHS năm 2015 đã hạn chế phạm vi chịu trách nhiệm hình sự trong giai đoạn chuẩn bị phạm tội của người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi chỉ còn 2 tội là tội giết người (Điều 123) và tội cướp tài sản (Điều 168) và dù thuộc trường hợp nào trong Điều 123 và Điều 168 thì đều phải chịu trách nhiệm hình sự.

Để xác định một người dưới 18 tuổi phạm tội phải có đầy đủ các căn cứ sau: - Có hành vi phạm tội do người dưới 18 tuổi thực hiện. Căn cứ này xuất phát từ cơ sở của trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 2 BLHS: *“Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự”* [19].

1.1.2. Khái niệm đảm bảo quyền bào chữa của bị cáo dưới 18 tuổi

Trước khi tìm hiểu được khái niệm bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo là người dưới 18 tuổi ta cần phải xác định khái niệm quyền bào chữa của bị cáo.

Trên thực tế ít có tác giả đề cập đến "Khái niệm quyền bào chữa của bị cáo", vì đây là một khái niệm đơn lẻ, bởi lẽ người bị buộc tội có quyền bào chữa thuộc về ba chủ thể "người bị tạm giữ, bị can và bị cáo" nên nhiều tác giả đề cập đến, Khái niệm quyền bào chữa" nói chung bao gồm cả ba chủ thể trên. Song hiện nay còn có nhiều quan điểm khác nhau là vấn đề gây tranh cãi giữa các nhà khoa học pháp lý cũng như cán bộ làm công tác thực tiễn áp dụng pháp luật về khái niệm quyền bào chữa.

Ở Việt Nam trước khi có BLTTHS năm 1988 thì quyền bào chữa của người bị buộc tội và quyền nhờ người bào chữa của họ chỉ được thực hiện khi toàn bộ hồ sơ vụ án cùng bản cáo trạng chuyển sang Tòa án. Lúc này quyền bào chữa chỉ thuộc về bị cáo. Về sau BLTTHS năm 1988 và năm 2003 và đặc biệt là BLTTHS năm 2015 đã khắc phục thiếu sót này, mở rộng chủ thể quyền bào chữa cho bị can, bị cáo tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa và thời điểm bào chữa xuất hiện từ khi khởi tố bị can.

- Quyền bào chữa trong tố tụng hình sự thuộc về người bị buộc tội và ở các giai đoạn khác nhau của tố tụng.

- Mục đích sự tham gia của người bào chữa trong tố tụng hình sự là nhằm bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội khỏi sự vi phạm có thể từ phía những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng khác.

- Việc bào chữa được diễn ra công khai tại phiên tòa có sự tham gia đầy đủ của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng.

Còn quyền là khái niệm pháp lý để chỉ những điều mà luật công nhận và bảo đảm thực hiện đối với cá nhân, tổ chức để theo đó cá nhân được hưởng, được làm, được đòi hỏi mà không ai được ngăn cản, hạn chế.

Với những phân tích nêu trên và căn cứ vào quy định của BLTTHS tác giả luận văn xin đưa ra khái niệm quyền bào chữa của bị cáo như sau:

Vậy thế nào là quyền bào chữa của bị cáo là người dưới 18 tuổi. Kết hợp hai khái niệm đã xác định chúng ta thấy: ***Quyền bào chữa của bị cáo là người dưới 18 tuổi trong tố tụng hình sự Việt Nam là tổng thể những hành vi tố tụng mà pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam cho phép người đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử là người dưới 18 tuổi có thể sử dụng nhằm bác bỏ một phần hay toàn bộ sự buộc tội, làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hoặc làm sáng tỏ tình tiết về sự vô tội của mình.***

Do tầm quan trọng của nó mà quyền này được Hiến pháp 2013 quy định tại Khoản 4 Điều 31: “Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa” và là một nguyên tắc cơ bản trong Bộ luật TTHS.

Để những người có lỗi thực hiện một cách có hiệu quả quyền tự bào chữa, Điều 16 Bộ luật TTHS Việt Nam thừa nhận QBC gồm 02 nội dung quyền tự bào chữa và nhờ người khác bào chữa. Bởi lẽ theo BLTTHS năm 2015 thì người bị buộc tội là khái niệm rộng hơn khái niệm người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong BLTTHS năm 2003. Theo đó, người bị buộc tội gồm người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.. Đây chính là bước phát triển về chất của chế định QBC trong luật TTHS của nước ta, nó hoàn toàn phù hợp với lý luận TTHS hiện đại trên thế giới.

1.1.3. Khái niệm đảm bảo quyền bào chữa của bị cáo dưới 18 tuổi

Với đặc trưng trên cho thấy ***”bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo là việc cơ quan và người có thẩm quyền tạo điều kiện để bị cáo thực hiện quyền bào chữa trong tiến trình tố tụng theo quy định của pháp luật”***.

1.2. Vai trò và đặc điểm của đảm bảo quyền bào chữa của bị cáo dưới 18 tuổi

1.2.1. Vai trò đảm bảo quyền bào chữa của bị cáo là người dưới 18 tuổi

Hiến pháp năm 1946, bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa quy định quyền tự bào chữa tại Điều 67 “Người bị cáo được quyền tự bào chữa hoặc mướn luật sư”. Sau đó, những bản Hiến pháp tiếp theo đều quy định nội dung này.

Đồng thời được cụ thể hóa tại Thông tư 70/TT-BCA ngày 10-10-2011 về đảm bảo QBC trong giai đoạn điều tra VAHS. Điều 4 của Thông tư quy định: “Khi giao quyết định tạm giữ cho người bị tạm giữ, quyết định khởi tố cho bị can, Điều tra viên phải đọc và giải thích cho họ biết rõ về quyền, nghĩa vụ của người bị tạm giữ, bị can theo quy định tại Điều 59, 60 Bộ luật tố tụng hình sự và lập biên bản giao nhận quyết định. Trong biên bản phải ghi rõ ý kiến của người bị tạm giữ, bị can về việc có nhờ người bào chữa hay không”. Trong trường hợp họ có yêu cầu nhờ NBC thì điều tra viên có trách nhiệm hướng dẫn họ viết giấy yêu cầu và gửi tới cơ quan, tổ chức, người được yêu cầu bào chữa theo hướng dẫn tại Điều này.

Đồng thời Bộ luật TTHS còn quy định cụ thể về việc đảm bảo có NBC trong trường hợp bị can, bị cáo phạm tội mà khung hình phạt đối với tội đó có mức cao nhất là tử hình được quy định tại BLHS; bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể

chất (khoản 2 Điều 57). Cụ thể hóa điều này, Thông tư 70 quy định rõ hơn: nếu sau khi giải thích và thông báo cho bị can, người đại diện hợp pháp của họ về quyền được nhờ người bào chữa mà họ từ chối thì Cơ quan điều tra đang thụ lý vụ án phải làm văn bản yêu cầu Đoàn luật sư hoặc Ủy ban Mặt trận tổ quốc, tổ chức thành viên của Mặt trận cử người bào chữa cho họ; trường hợp Đoàn luật sư, Ủy ban Mặt trận tổ quốc, tổ chức thành viên của Mặt trận đã cử người bào chữa nhưng bị can hoặc người đại diện hợp pháp của họ vẫn từ chối,

Các nhà lập pháp của nước ta đã nhận thức được ý nghĩa to lớn về chức năng bào chữa trong hoạt động TTHS nên ngay từ Bộ luật TTHS 1988; Bộ luật TTHS 2003 và BLTTHS năm 2015 đã cụ thể hóa QBC – quyền hiến định của bị can, bị cáo và sau này bổ sung thêm người bị tạm giữ, nâng yêu cầu bảo đảm QBC cho các chủ thể trên thành một trong những nguyên tắc cơ bản của TTHS nước ta (Điều 16 Bộ luật TTHS 2015). QBC là một quyền tố tụng quan trọng, là hình thức chủ đạo thực hiện chức năng bào chữa của bị can, bị cáo, người bị tạm giữ trong TTHS. Các chủ thể này được quyền sử dụng tất cả những biện pháp gì mà pháp luật không cấm để chống lại, bác bỏ, phủ nhận lời buộc tội của Cơ quan điều tra (CQĐT), Viện kiểm sát hoặc để giảm nhẹ TNHS của mình trong vụ án. QBC được xem như là phương tiện pháp lý cần thiết để những chủ thể nói trên bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Thừa nhận QBC là thừa nhận tính tranh tụng trong hoạt động tố tụng, điều kiện không thể thiếu được cho việc xét xử khách quan, công minh. Càng mở rộng phạm vi QBC bao nhiêu thì càng mở rộng tính tranh tụng bấy nhiêu và kết quả tương ứng là càng hạn chế khả năng làm oan sai người vô tội trong xét xử.

Như đã phân tích trong hoạt động TTHS, bào chữa là quyền quan trọng nhất của người vi phạm pháp luật hình sự. QBC được xem như là một phương tiện pháp lý cần thiết để bị can, bị cáo nói chung bảo vệ

quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đối với đối tượng là người dưới 18 tuổi, do những hạn chế nhất định về sự phát triển thể chất cũng như tinh thần, cho nên có thể họ sẽ gặp rất nhiều khó khăn và quyền lợi hợp pháp của họ có thể bị xâm hại nếu không có NBC trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử. Chính vì vậy, rất cần có sự tham gia của NBC trong những vụ án đối với người dưới 18 tuổi. Việc bào chữa trong những vụ án do người dưới 18 tuổi thực hiện tội phạm tuân theo những quy định chung của Bộ luật TTHS. Tuy nhiên, do những hạn chế trong sự phát triển về thể chất cũng như tinh thần của người dưới 18 tuổi so với người đã thành niên, cho nên pháp luật quy định thủ tục bắt buộc phải có sự tham gia của NBC trong những vụ án này. Đây là điểm khác biệt giữa việc bào chữa trong những vụ án do người dưới 18 tuổi thực hiện so với vụ án do người đã thành niên thực hiện. Việc tôn trọng và bảo đảm thực hiện trên thực tế QBC trong TTHS là một biểu hiện sinh động của việc bảo vệ QCN. QBC còn có mối quan hệ mật thiết với nguyên tắc suy đoán vô tội Điều 13 Bộ luật TTHS quy định: “Không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật”. Việc thực hiện nguyên tắc suy đoán vô tội là tiền đề bảo đảm cho những người bị buộc tội thực hiện QBC của họ và ngược lại, việc ghi nhận QBC là một biểu hiện cụ thể, sinh động của nguyên tắc suy đoán vô tội. Từ khi người bị tình nghi bị bắt giữ cho đến khi trở thành bị can, bị cáo họ vẫn được xem là người chưa có tội. Do vậy, pháp luật TTHS quy định cho họ có quyền sử dụng tất cả biện pháp để chứng minh sự vô tội hoặc để làm giảm nhẹ TNHS của họ.

Trên cơ sở tôn trọng QBC của người bị buộc tội, các cơ quan THTT phải thận trọng hơn trước, trong và sau khi đưa ra quyết định gây bất lợi cho người bị buộc tội. Chính vì sự thận trọng ấy làm cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử được khách quan, công bằng, dân chủ và khi đó nguyên tắc suy đoán vô tội sẽ trở thành hiện thực trong TTHS.

Ngược lại, việc không ghi nhận hoặc hạn chế QBC của người bị buộc tội chẳng những vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc suy đoán vô tội mà còn biến các cơ quan THPT trở thành các cơ quan độc đoán, biến những người THPT thành những kẻ áp bức và khi đó toàn bộ hoạt động TTHS sẽ trở thành hoạt động có tính chất khủng bố, nhất là đối với người dưới 18 tuổi, QBC càng được tôn trọng, ghi nhận nhiều hơn nữa.

Tóm lại, vai trò QBC của bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi không chỉ có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi mà chính ở đây là điều kiện tiên quyết để đảm bảo hiệu quả của hoạt động TTHS, sâu xa hơn nó còn thể hiện bản chất tốt đẹp của Nhà nước pháp quyền Việt Nam.

1.2.2. Đặc điểm của đảm bảo quyền bào chữa đối với bị cáo dưới 18 tuổi

*** Đặc điểm về nội dung**

Trong lịch sử TTHS thế giới, trải qua nhiều thế kỷ người ta thấy rằng hầu như không có sự phân biệt đáng kể trong thái độ của nhà nước và xã hội đối với bị can là người thành niên và bị can là người dưới 18 tuổi trong VAHS. Người ta quan niệm giản đơn bị can là người dưới 18 tuổi chỉ là bị can thành niên còn nhỏ. Sở dĩ như vậy là bản thân giai đoạn phát triển người dưới 18 tuổi đã không được nhìn nhận là giai đoạn phát triển có ý nghĩa xã hội quan trọng đối với cá nhân, đối với nhà nước và xã hội. Chỉ đến cuối thế kỷ 19 mới hình thành thái độ mới của nhà nước về bị can là người dưới 18 tuổi trong VAHS. Lúc này trong tư duy lập pháp TTHS đã thay đổi cách nhìn về bị can là người dưới 18 tuổi như là đối tượng cần được bảo vệ đặc biệt và hình thành chiến lược lập pháp TTHS đối với bị can là người dưới 18 tuổi. Sự phát triển của tư duy lập pháp này tùy thuộc rất nhiều vào các yếu tố khác nhau ở mỗi quốc gia như chính sách hình sự của nhà nước, sự phát triển của khoa học pháp lý, tình trạng tội phạm của người dưới 18 tuổi, sự phát triển và chuyên môn

hóa trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan THTT và đã trở thành xu hướng chung ngày càng có tính nhân văn, hình thành những chuẩn mực chung về thái độ của nhà nước đối với bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi. CUQT về quyền trẻ em năm 1989 quy định: “Trẻ em, do còn non nớt về thể chất và trí tuệ cần được bảo vệ, chăm sóc đặc biệt, kể cả sự bảo vệ thích hợp về mặt pháp lý trước cũng như sau khi ra đời”. Nội dung chủ đạo của tư duy lập pháp này có thể tóm tắt ở yêu cầu phải mở rộng QCN và bảo đảm QCN của bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi như là những bổ sung cần thiết so với người đã thành niên. Từ đó đã xuất hiện sự cần thiết phải thay đổi bản thân tiến trình TTHS và những thủ tục tố tụng của nó theo hướng là những thủ tục tố tụng chuyên biệt hóa để phù hợp yêu cầu bảo đảm cao hơn QCN của đối tượng này.

Bộ luật TTHS 2015 của Việt Nam đã bắt kịp xu hướng chung này của TTHS thế giới khi nhìn nhận thủ tục TTHS đối với người dưới 18 tuổi là một trong những thủ tục tố tụng đặc biệt quy định tại Chương XXXII. Tính chất đặc biệt của thủ tục này thể hiện ở chỗ chúng được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi đồng thời đối với những quy định khác của Bộ luật TTHS nếu các quy định này không trái với những quy định đặc thù. BLHS năm 2015 quy định về chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội tại Điều 69 chủ yếu liên quan đến năng lực chịu TNHS, mục đích áp dụng TNHS nặng về giáo dục, giúp họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh để họ trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội chứ không nặng về trừng phạt. Còn chính sách hình sự trong TTHS đối với người dưới 18 tuổi là bị can, bị cáo là những quy định nhằm bảo đảm một cách tốt nhất QBC cho đối tượng này, hạn chế một cách tối đa việc áp dụng những biện pháp cưỡng chế, hạn chế một cách thấp nhất những tác động không thể tránh khỏi về tâm lý đối với bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi do hoạt động TTHS gây ra, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc làm rõ những nguyên nhân, điều kiện phạm tội của họ

để Tòa án có thể xét xử và tuyên bản án có tác động tích cực nhất đến tâm lý của đối tượng này. Để thống nhất với tư tưởng chủ đạo trong CUQT về quyền trẻ em đã nêu ở trên, về lý thuyết chính sách hình sự trong lĩnh vực TTHS đối với bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi cần bao gồm hai nội dung sau đây:

- Mở rộng QCN tức là quyền tố tụng của người dưới 18 tuổi so với người thành niên. Bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi có đầy đủ các quyền tố tụng như bị can, bị cáo là người thành niên. Bên cạnh đó, họ còn được thừa nhận những quyền tố tụng đặc thù để có thể bảo vệ một cách tốt nhất, thuận lợi nhất lợi ích chính đáng của mình.

- Mở rộng những bảo đảm QCN của họ trong hoạt động TTHS. Một trong những bảo đảm quan trọng QCN của đối tượng này là những quy định, trình tự, điều kiện riêng hoặc có tính chất bổ sung khi thực hiện những hành vi tố tụng đối với họ. Kết quả là hình thành thủ tục tố tụng đặc biệt dành cho đối tượng này, được xây dựng trên cơ sở những đặc thù về tâm sinh lý của họ, trên cơ sở yêu cầu đảm bảo QCN của họ cao hơn so với đối tượng là người thành niên. Những thủ tục đặc biệt này đặt ra những yêu cầu cao hơn, chặt chẽ hơn về nghĩa vụ tố tụng của các cơ quan THTT trong quan hệ với bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi, và thuận lợi hơn, hỗ trợ nhiều hơn cho họ trong việc sử dụng các quyền tố tụng của mình, hạn chế nhiều hơn những tác động tiêu cực có thể có đối với quá trình giải quyết vụ án.

Trong hoạt động TTHS, QBC là quyền quan trọng nhất của người vi phạm pháp luật hình sự. Đây là tổng hợp các hành vi tố tụng do bị can, bị cáo thực hiện nhằm phủ nhận một phần hay toàn bộ sự buộc tội của các cơ quan THTT, làm giảm nhẹ hoặc loại trừ TNHS của mình trong VAHS. Thông thường sự tham gia của NBC phụ thuộc vào ý chí của bị can, bị cáo. Họ có thể trực tiếp mời hoặc ủy quyền cho người thân của mình mời NBC. Tuy nhiên, trong một số trường hợp đặc biệt luật

quy định sự tham gia của NBC vào trong vụ án không phụ thuộc vào ý chí của bị can, bị cáo. Đó là các trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 75 Bộ luật TTHS 2015 khi những chủ thể này hoặc người đại diện hợp pháp của họ không mời NBC thì các cơ quan THTT có nghĩa vụ yêu cầu Đoàn luật sư hoặc đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cử NBC cho họ. Đó là những trường hợp liên quan đến các bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất, hoặc bị can, bị cáo về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình.

*** Các hình thức thực hiện quyền bào chữa**

Trong lịch sử pháp luật TTHS trước đây, địa vị pháp lý của bị can, bị cáo chưa được xác định rõ ràng nên họ thường bị coi là có tội và một khi đã bị coi là có tội, mặc nhiên số phận của họ là số phận của kẻ bị tước phần lớn các quyền công dân. Hiện nay, với nguyên tắc coi bị can, bị cáo là những người chưa có tội nên pháp luật TTHS đã dành cho họ nhiều quyền trong suốt các giai đoạn tố tụng. Khoản 1 Điều 31 Hiến pháp 2013 quy định: “Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật”. Mục đích của những quy định chủ yếu là đặt ra những yêu cầu đối với các cơ quan và những người THTT phải có sự thận trọng, vô tư và đề cao tinh thần trách nhiệm làm rõ các chứng cứ buộc tội cũng như gỡ tội, làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, tránh làm oan người vô tội và bỏ lọt người phạm tội. Việc nâng cao hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật không thể thiếu sự củng cố và tăng cường nguyên tắc bảo đảm QBC của bị can, bị cáo. Nếu như QBC là khả năng sử dụng những quyền tố tụng để bảo vệ những quyền và lợi ích hợp pháp thì biện pháp bào chữa là các hành động cụ thể để thực hiện quyền ấy như làm đơn khiếu nại, kháng cáo.v.v. Nói cách khác, đảm bảo QBC chính là cơ chế thực hiện QBC, ghi nhận trách nhiệm của

cơ quan, người THPT, các tổ chức xã hội, cơ quan nhà nước khác phải tạo điều kiện giúp bị can, bị cáo thực hiện QBC.

- Về quyền tự bào chữa

Tự bào chữa là quyền năng tố tụng đặc thù được pháp luật ghi nhận và bảo đảm cho phép bị can, bị cáo là người chưa thành niên tự mình có thể thực hiện các hành vi tố tụng và quyền tố tụng nhằm bác bỏ sự buộc tội hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của mình

- Về quyền nhờ người khác bào chữa

Quyền nhờ người khác bào chữa là một phần QBC và là một đảm bảo quan trọng để bị can, bị cáo thực hiện các quyền tố tụng khác mà pháp luật quy định để bào chữa trước sự buộc tội của cơ quan THPT.

Đây được coi là trường hợp bào chữa bắt buộc. Chính vì vậy mà pháp luật quy định trong những trường hợp đó phải có sự bào chữa của những người am hiểu pháp luật và hoàn cảnh đặc thù của người dưới 18 tuổi vi phạm.

Việc thực hiện QBC thông qua sự trợ giúp của NBC luôn đi đôi với những bảo đảm pháp lý không chỉ đối với người bị buộc tội mà đối với cả NBC của họ. Trong một chừng mực nhất định, trách nhiệm của các cơ quan THPT là yếu tố quyết định hiệu quả trong hoạt động bào chữa của NBC. Và NBC là người bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi trước sự buộc tội của các cơ quan có chức năng.

Việc lựa chọn NBC phụ thuộc vào ý chí của người bị buộc tội (khoản 1 Điều 75 Bộ luật TTHS). Họ có quyền thực hiện hoặc từ chối quyền được nhờ NBC. Trong trường hợp người bị buộc tội tự thuê NBC, thì chi phí cho việc bào chữa sẽ do họ tự chi trả.

1.3. Các yếu tố đảm bảo quyền bào chữa của bị cáo dưới 18 tuổi

1.3.1. Đảm bảo về pháp lý

Buộc tội và bào chữa luôn song song tồn tại. QBC, Bảo đảm QBC của bị can, bị cáo nói chung xuất phát từ yêu cầu bảo vệ Đồng thời việc ghi nhận đó là cơ sở để xây dựng nguyên tắc cơ bản đảm bảo QBC của bị can, bị cáo tại Điều 11 Bộ luật TTHS của nước ta.

Cụ thể hóa quy định trên của Hiến pháp, Điều 16 Bộ luật TTHS 2015 đã quy định việc bảo đảm và cơ quan có trách nhiệm trong việc bảo đảm thực hiện QBC của bị can, bị cáo. Ngoài ra Bộ luật TTHS còn có nhiều quy định liên quan đến việc thực hiện và tạo điều kiện cho việc thực hiện QBC của bị can, bị cáo ở các điều khác nhau như các điều 74, 75, 58, 291, 320... Trong đó quy định về quyền của bị can, bị cáo khi tham gia tố tụng; về nghĩa vụ của NBC, những trường hợp cơ quan THTT phải đảm bảo có sự tham gia của NBC; trường hợp bào chữa chỉ định mà NBC vắng mặt tại phiên tòa thì HĐXX phải hoãn phiên tòa; NBC được trình bày lời bào chữa sau khi kiểm sát viên trình bày lời luận tội. Văn bản pháp lý góp phần quan trọng trong việc bảo đảm thực hiện QBC của bị can, bị cáo, đó là Luật luật sư năm 2006. Đây là một trong những bước tiến mới trong quá trình hoàn thiện chế định luật sư nói chung và QBC của bị can, bị cáo nói riêng. Luật Luật sư năm 2006 thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với hoạt động hỗ trợ tư pháp nói chung và QBC của bị can, bị cáo nói riêng. Luật Luật sư đã pháp điển hóa Nghị quyết lần thứ 3 Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam khóa VIII đề ra.

Việt Nam là nước châu Á đầu tiên và là nước thứ hai trên thế giới tham gia ký và phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em (20/02/1990) ngay sau khi ký Công ước được mở cho các nước ký kết. Công ước về quyền trẻ em của Liên hợp quốc đã thể hiện sự quan tâm của cả nhân loại đối với trẻ em nói chung và người dưới 18 tuổi nói riêng. Để đảm bảo các quyền của trẻ em, Việt Nam đã ban hành các văn bản pháp luật, luật liên quan tới quyền trẻ em. Ngay từ khi xây dựng Bộ

luật TTHS đầu tiên (1989), chúng ta đã dành một chương riêng quy định về thủ tục đối với những vụ án mà bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi. Qua nhiều lần sửa đổi, bổ sung, các quy định này càng ngày càng hoàn thiện hơn.

1.3.2. Đảm bảo về cơ cấu tổ chức

Bộ luật TTHS 2015 đã dành toàn bộ Chương XXVIII – Phần thứ bảy để quy định về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi. Chính vì vậy mà việc bảo vệ các quyền đó cũng rất đa dạng, bằng những phương thức, phương tiện và biện pháp khác nhau cả về mặt tổ chức, quản lý, hành chính, kinh tế lẫn các biện pháp pháp lý, đặc biệt là lĩnh vực TTHS. Đó là trao cho các em những quyền tố tụng để họ tự bảo vệ quyền lợi của mình, đồng thời quy định những điều khoản nhằm bảo đảm cho việc điều tra, truy tố, xét xử VAHS được khách quan, toàn diện và đúng pháp luật, tránh làm oan người vô tội.

Như chúng ta đều biết, khi nói đến TTHS là nói đến trình tự, thủ tục điều tra, truy tố, xét xử một VAHS cũng như quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng. Trước hết, người dưới 18 tuổi tham gia TTHS với tư cách là bị can, bị cáo. Có thể nói rằng không có bị can, bị cáo thì không có VAHS.

Xuất phát từ nhận thức này mà Bộ luật TTHS Việt Nam đã dành một chương riêng quy định về thủ tục TTHS đối với những vụ án mà bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi. Tư tưởng này hoàn toàn phù hợp với Tuyên ngôn về quyền trẻ em năm 1959 và Công ước về quyền trẻ em mà trong đó trẻ em được coi là người còn non nớt về thể chất và trí tuệ và vì thế cần được bảo vệ và chăm sóc đặc biệt, kể cả sự bảo vệ thích hợp về mặt pháp lý trước cũng như sau khi ra đời.

Tuy nhiên ngoài những quy định này ra thì những quy định chung khác của Bộ luật TTHS cũng được áp dụng. Để cơ quan THTT thực hiện tốt nhiệm vụ trên theo quy định của pháp luật, nhà nước đã thành lập

một số cơ quan, tổ chức như các đoàn luật sư, văn phòng luật sư, các tổ chức TGPL, các cơ quan bảo trợ tư pháp...các cơ quan, tổ chức này đã góp phần không nhỏ vào việc bảo vệ có hiệu quả quyền, lợi ích hợp pháp của công dân cũng như QBC của bị can, bị cáo nói chung. Trước hết, cơ quan THTT là những cơ quan được Bộ luật TTHS quy định có nhiệm vụ bảo đảm cho bị can, bị cáo thực hiện QBC của họ như đã khẳng định ở trên, phải được tổ chức một cách hợp lý nhằm tăng cường tốt hơn nữa mối quan hệ giữa CQĐT, Viện kiểm sát, Tòa án trong quá trình tiến hành giải quyết VAHS, đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Viện kiểm sát phải tạo những khả năng thực tế, những điều kiện cần thiết và những biện pháp do pháp luật quy định để bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi có thể hưởng những quyền mà pháp luật quy định cho họ; đồng thời tạo điều kiện cho NBC có thể tham gia tích cực vào việc bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể đặc biệt này. Thêm vào đó, bằng chức năng, hoạt động của mình, Viện kiểm sát phải ngăn ngừa, hạn chế và xử lý kịp thời các hành vi gây cản trở hoặc xâm hại đến QBC của bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi. Trong các giai đoạn TTHS từ khởi tố, điều tra, xét xử có nhiều chủ thể tham gia vào mỗi giai đoạn cụ thể, trong đó Viện kiểm sát là cơ quan duy nhất tham gia trong tất cả các giai đoạn của TTHS. Nhiệm vụ của Viện kiểm sát trong việc bảo đảm QBC của bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi được thể hiện ở những hoạt động sau: kiểm sát việc khởi tố, điều tra và áp dụng các biện pháp ngăn chặn của các cơ quan THTT; đảm bảo QBC của bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi trong giai đoạn hồ sơ chuyển sang Viện kiểm sát và giai đoạn xét xử.

Trách nhiệm của cơ quan Tòa án

Việc xét xử tại phiên tòa có ý nghĩa hết sức quan trọng trong toàn bộ quá trình giải quyết một VAHS. Để việc xét xử tại phiên tòa luôn có

hai bên tham gia: bên buộc tội và bên gỡ tội (bên bào chữa), do đó Tòa án phải bảo đảm cho bị cáo là người dưới 18 tuổi và NBC của họ được tham gia phiên tòa

Bị cáo là đối tượng bị phán xét bởi Tòa án, chính vì vậy, các quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo chỉ có thể được bảo đảm có hiệu quả khi họ tham gia phiên tòa. Như vậy, việc tham gia phiên tòa là nghĩa vụ bắt buộc đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi, đồng thời cũng là điều kiện để Tòa án tiến hành việc xét xử.

Tòa án có nghĩa vụ phải bảo đảm QBC cho bị cáo là người dưới 18 tuổi theo những nội dung sau: Tòa án có nghĩa vụ giải thích cho bị cáo các quyền và nghĩa vụ của họ; Tòa án bảo đảm cho bị cáo thực hiện quyền tự bào chữa và nhờ người khác bào chữa. Hoạt động tranh tụng trong TTHS là một quy định mang tính dân chủ; Tòa án đảm bảo cho bị cáo đưa ra chứng cứ và những yêu cầu; Tòa án bảo đảm cho bị cáo nói lời sau cùng.

Việc phân công thẩm phán giải quyết các vụ án có người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi hiện nay còn bất hợp lý. Theo quy định của pháp luật TTHS, khi một vụ án được Tòa án thụ lý sẽ do Chánh án TAND cấp huyện phân công một thẩm phán thụ lý, giải quyết và làm chủ tọa phiên tòa. Phó Chánh án có thể được Chánh án ủy nhiệm phân công án. Theo Báo cáo khảo sát nhu cầu của TAND cấp huyện trên toàn quốc, phần lớn ý kiến được khảo sát cho rằng việc phân công án phụ thuộc quá nhiều vào ý kiến của lãnh đạo Tòa án. Các lãnh đạo Tòa án phân công công tác cho thẩm phán dựa trên hai tiêu chí chính là khối lượng công việc mà thẩm phán đó đang giải quyết và chuyên môn hoặc kinh nghiệm của thẩm phán trong vụ việc giải quyết. Ngoài ra, còn có lãnh đạo Tòa án áp dụng các tiêu chí khác để phân công công việc như: phân công phù hợp với vị trí và thâm niên công tác của thẩm phán; theo tính chất vụ án; tuần tự... Những tiêu chí phân công nêu trên cho phép Chánh án chủ

động và linh hoạt trong việc phân công thẩm phán. Tuy nhiên, điều này cũng dẫn đến một số khiếm khuyết như vụ án được phân công dựa trên những quyết định cá nhân của lãnh đạo Tòa án dẫn đến tình trạng có thẩm phán nhiều việc, có thẩm phán ít việc, hoặc có những vụ án được phân công không đúng đối tượng chuyên môn, lĩnh vực xét xử.

Như vậy, để bảo đảm thực hiện QBC của bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, các cơ quan THTT, các cơ quan hỗ trợ tư pháp như đoàn luật sư, văn phòng luật sư, các tổ chức TGPL phải luôn được hoàn thiện về mặt tổ chức cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn đề ra. Sự hoàn thiện về tổ chức của các cơ quan nói trên cùng với việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm của những người tiến hành và tham gia tố tụng thì việc giải quyết VAHS sẽ được tiến hành một cách nhanh chóng, kịp thời, đúng pháp luật, bảo đảm không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

1.3.3. Đảm bảo về mặt ý thức pháp luật

Họ cho rằng, tội phạm đã rõ ràng thì luật sư không thể bào chữa cho kẻ phạm tội. Thậm chí một số thẩm phán cho rằng luật sư chỉ gây khó khăn cho công tác xét xử, vì thế mà có thái độ không đúng đối với luật sư... Trong khoa học TTHS và thực tiễn hoạt động điều tra, truy tố, xét xử vẫn còn xuất hiện tư tưởng hạ thấp vai trò của NBC. Quan niệm như vậy đối với NBC là trái với quy định của pháp luật và chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta. Việc bào chữa kiên định, dũng cảm trong TTHS chẳng những không cản trở mà còn thúc đẩy cuộc đấu tranh chống tội phạm, khắc phục những sai lầm trong việc xử lý án, xét xử không có căn cứ người vô tội.

Với nhiệm vụ xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội; những tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm của bị

can, bị cáo người dưới 18 tuổi, bảo vệ kỷ cương pháp luật song song với việc phát huy tính dân chủ, thì trách nhiệm của cơ quan THTT một mặt phải nghiêm chỉnh tuân thủ, tránh tình trạng vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, một mặt phải bảo đảm đúng pháp luật, tránh mọi sai lầm có thể ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo người dưới 18 tuổi. Khi giải quyết VAHS, cơ quan THTT phải nhận thức rằng:

- Sự tham gia của NBC là yếu tố khách quan để vụ án giải quyết được đúng đắn. Về phía NBC, họ là những người am hiểu pháp luật cùng với việc tham gia tố tụng để bảo vệ bị can, là người dưới 18 tuổi không có nghĩa là giúp họ lẩn tránh hoặc thoát khỏi sự trừng phạt của pháp luật đối với hành vi phạm tội mà bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi đã gây ra, mà phải trên cơ sở của pháp luật bảo đảm nguyên tắc không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Tiểu kết chương

Quyền bào chữa của bị cáo là người dưới 18 tuổi là một trong những quyền quan trọng được pháp luật tố tụng hình sự quy định nhằm chống lại sự buộc tội của cơ quan có thẩm quyền buộc tội, để bảo vệ các quyền lợi ích chính đáng của bị cáo. Quyền bào chữa không chỉ thể hiện tính dân chủ trong hoạt động tố tụng mà còn là yếu tố bảo đảm cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử đúng người đúng tội, tránh những vi phạm có thể xảy ra từ phía cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

Khi tham gia tố tụng, bị can, bị cáo thường cho rằng đối với điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán thì họ chỉ là người phạm tội do vậy, cho dù họ có thanh minh hay giải thích gì thì cũng chỉ là vô ích mà thôi.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ ĐẢM BẢO QUYỀN BÀO CHỮA CỦA BỊ CÁO DƯỚI 18 TUỔI VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Quy định của pháp luật về đảm bảo quyền bào chữa của bị cáo dưới 18 tuổi

So với những lần sửa đổi trước đây, Bộ luật TTHS 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một cách toàn diện, và ghi nhận thêm một số điều luật mới. Việc bổ sung quyền này đối với người bị tạm giữ xuất phát từ quan điểm cho rằng người bị tạm giữ được xác định là người bị tình nghi thực hiện tội phạm đối với VAHS, do vậy họ có quyền được bào chữa.

2.1.1. Đảm bảo quyền tự bào chữa của bị cáo dưới 18 tuổi

Kể từ khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, chủ thể tự bào chữa là bị cáo, quyền bào chữa của bị cáo vẫn được bảo đảm.

Trên cơ sở quyết định đưa vụ án ra xét xử, với những căn cứ cho rằng những người THPT được ghi trong quyết định đó không vô tư trong khi làm nhiệm vụ thì bị cáo có quyền đề nghị thay đổi họ. Cũng từ đó, bị cáo có thể kịp thời đề xuất việc triệu tập thêm người làm chứng hoặc chuẩn bị thêm vật chứng để đưa ra xem xét tại phiên tòa.

Đồng thời quy định này nhằm giúp bị cáo được tự bào chữa cho mình. Quy định này cũng đặt ra yêu cầu đối với các cơ quan THPT phải giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật, các văn bản, quyết định được ban hành phải có căn cứ và hợp pháp.

Thông qua quyết định này, bị cáo được biết về tội danh, điều khoản của Bộ luật hình sự mà VKS đề nghị truy tố, thời gian, ngày, tháng, năm, địa điểm mở phiên tòa, họ tên Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tòa án, VKS, người bào chữa, người phiên dịch nếu có; họ tên người được triệu tập đến phiên tòa để xét hỏi; vật chứng....

- Bị cáo có quyền tham gia phiên tòa

Việc tham gia phiên tòa của bị cáo và các bên là một bảo đảm cho vụ án được xét xử trực tiếp và là điều kiện thuận lợi để làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án, qua đó xác định được sự thật của vụ án.

Hơn nữa, xét xử là khâu trung tâm của quá trình tố tụng, có tác dụng quyết định đến quyền và lợi ích của bị cáo. Cho nên, sự có mặt tại phiên tòa của bị cáo là bảo đảm quan trọng, cần thiết cho họ thực hiện quyền bào chữa của mình. Thực tiễn xét xử cho thấy rằng chính trong điều kiện công khai, dân chủ tại phiên tòa, có nhiều trường hợp bị cáo đã khai báo hoàn toàn khác so với những gì đã khai báo tại CQĐT. Và, lời khai tại Tòa án đúng đắn hơn, khách quan hơn. Bằng chính những lời nói của mình qua việc trả lời, tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo có điều kiện thuận lợi nhất để bảo vệ mình. Do vậy mà pháp luật qui định nếu bị cáo vắng mặt tại phiên tòa thì Tòa án phải hoãn hoặc tạm đình chỉ phiên tòa.

Để đảm bảo cho bị cáo thực hiện các quyền đó Tòa án chỉ được phép xét xử vắng mặt bị cáo trong những trường hợp được quy định tại khoản 2 điều 290 Bộ luật TTHS 2015, nếu bị cáo vắng mặt thì phải hoãn phiên tòa. Tham gia phiên tòa cũng là nghĩa vụ của bị cáo, nếu bị cáo vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị áp giải.

Quyền được giải thích về quyền và nghĩa vụ của bị cáo được quy định tại điểm a khoản 2 điều 60 Bộ luật TTHS 2015.

Là chủ thể đặc biệt tham gia phiên tòa, bị cáo có quyền đề nghị thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa, người phiên dịch nếu xét thấy có căn cứ cho rằng họ không vô tư trong khi thực hiện nhiệm vụ, ảnh hưởng đến việc bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo. Những căn cứ đó có thể do pháp luật qui định cụ thể tại BLTTHS hoặc cũng có thể là các căn cứ khác. Chẳng hạn, người THTT có quan hệ mật thiết với bên bị hại, hoặc những người có liên quan khác trong vụ án, hay người THTT trước đây có mâu thuẫn với bị cáo...

Quyền này của bị cáo đồng thời cũng là nghĩa vụ của người THTT buộc phải từ chối tham gia xét xử khi có những căn cứ theo qui định của pháp luật.

- Bị cáo có quyền đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu Bị cáo có quyền đưa ra các tài liệu, đồ vật tại phiên tòa xét xử.

HĐXX xem xét và giải quyết yêu cầu của bị cáo.

- Bị cáo có quyền trình bày ý kiến tranh luận tại phiên tòa (Điều 60 BLTTHS năm 2015)

Theo nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước tòa án - điều 9 Bộ luật TTHS và theo quy định tại điều 322 Bộ luật TTHS thì Tòa án, chủ tọa phiên tòa có trách nhiệm tạo điều kiện cho bị cáo tranh luận, trình bày hết ý kiến nhằm làm rõ sự thật khách quan của vụ án.

Quá trình tranh luận để các bên trình bày ý kiến bảo vệ quyền và lợi ích của mình, đáp lại ý kiến của người khác được diễn ra không bị hạn chế về thời gian. Có nghĩa là, chủ tọa phiên tòa không được khống chế thời gian phát biểu ý kiến của các bên. Tuy nhiên, chủ tọa phiên tòa có quyền nhắc nhở các bên tranh luận để họ không nói về những vấn đề không liên quan đến vụ án cũng như vấn đề có liên quan nhưng đã được nói đến một hoặc vài lần. Trong quá trình tranh luận đó, khác với các bên tham gia khác, bị cáo là bên duy nhất được nói lời sau cùng.

Có thể coi lời nói sau cùng của bị cáo là kết luận của bị cáo sau khi Hội đồng xét xử đã hỏi, nghe xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa về việc không nhận tội hay đề nghị với Tòa án lưu ý, xem xét đến vấn đề này hay vấn đề khác hoặc đề nghị được khoan hồng, giảm nhẹ trách nhiệm. Thực tiễn xét xử những năm gần đây cho thấy, có nhiều trường hợp ở phần nói lời sau cùng, sau khi nhận tội, bị cáo đã khai toàn bộ sự thật của vụ án và những tình tiết khác có liên quan. Đây không những chỉ là việc thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải mà còn có thể được coi là

việc tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm.

Việc nói lời sau cùng của bị cáo không bị hạn chế về thời gian và càng không phải là để khép lại quá trình tranh tụng. Nếu qua lời nói sau cùng với việc trình bày những tình tiết mới có ý nghĩa quan trọng đối với vụ án, và với những đề nghị hợp lý của bị cáo đòi hỏi cần xét hỏi thêm thì Hội đồng xét xử phải quyết định xét hỏi thêm để làm sáng tỏ các vấn đề mới được nêu ra. Các vấn đề đó phải được thẩm tra tại phiên toà và là căn cứ để giải quyết vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, khi án chưa có hiệu lực, bị cáo vẫn là người chưa có tội (mặc dù trong trường hợp án sơ thẩm đã kết tội bị cáo). Họ có quyền kháng cáo yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Với việc giải quyết án phúc thẩm, Toà án cấp trên trực tiếp xét lại bản án, quyết định của Toà án đã xét xử sơ thẩm. Qua đó, cấp phúc thẩm thẩm tra tính hợp pháp, có căn cứ của bản án, quyết định sơ thẩm, phát hiện, khắc phục, sửa chữa những thiếu sót, sai phạm trong quá trình xét xử sơ thẩm.

Trước khi bắt đầu hoặc cho đến trước khi HĐXX nghị án, bị cáo có quyền bổ sung, thay đổi, rút kháng cáo. Việc sửa đổi, bổ sung đó không được làm xấu hơn tình trạng của bị cáo.

Khi xét xử phúc thẩm, Toà án xem xét lại phần của bản án bị kháng cáo và khi cần thiết có thể xem xét lại cả phần không bị kháng cáo. Song, Toà án cấp phúc thẩm không có nhiệm vụ xem xét lại phần của bản án không bị kháng cáo để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Trước khi xét xử hoặc trong khi xét hỏi tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo có quyền thu thập, bổ sung chứng cứ mới. Toà án có nghĩa vụ xem xét, đánh giá các chứng cứ mới này cùng với các chứng cứ trước đây.

Và với kháng cáo của bị cáo, trong quá trình xét xử phúc thẩm, thấy có những căn cứ cho rằng bị cáo không phạm tội thì Tòa án tuyên bố bị cáo không phạm tội, lưu bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án.

2.1.2. Đảm bảo quyền nhờ người bào chữa

*** Quy định về người bào chữa**

Chế định NBC đã được ghi nhận ngay trong Bộ luật TTHS 2003 khi xác định NBC là người tham gia tố tụng. NBC không có quyền lợi ích liên quan đến vụ án.

Tuy nhiên, luật sư là khái niệm nghề nghiệp còn NBC là một khái niệm tố tụng.

Theo Điều 2 Luật Luật sư được sửa đổi, bổ sung số 20/2012/QH13 ngày 20-11-2012 của Quốc Hội, quy định: “Luật sư là người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề theo quy định của Luật này, thực hiện dịch vụ pháp lý theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức”. Khoản 1 Điều 22 Luật Luật sư quy định: “Luật sư tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc là người bảo vệ quyền lợi của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự”.

Ngoài việc nhờ luật sư là NBC cho mình, bị can, bị cáo còn có thể thông qua người đại diện hợp pháp của mình mà thực hiện QBC. Cho đến thời điểm này, Bộ luật TTHS Việt Nam vẫn chưa có một quy định cụ thể nào về người đại diện hợp pháp của bị can, bị cáo trong vụ án hình sự như đối với một số người tham gia tố tụng khác. Tuy nhiên ở cấp độ văn bản dưới luật, Thông tư liên ngành số 01/TTLN ngày 8-12-1988 của TAND tối cao.

Khi người đại diện hợp pháp của bị cáo là NBC, thì họ thực hiện quyền và nghĩa vụ của NBC theo quy định của pháp luật, đồng thời họ vẫn có quyền và nghĩa vụ với tư cách là người đại diện hợp pháp của bị cáo. Người đại diện hợp pháp của bị cáo có thể đồng thời là người đại

diện gia đình bị cáo. Nếu là người đại diện gia đình của bị cáo thì ngoài quyền và nghĩa vụ đối với người đại diện hợp pháp của bị cáo, họ còn có quyền và nghĩa vụ của đại diện gia đình bị cáo theo quy định của pháp luật. Người đại diện hợp pháp của bị cáo mà lại là bố mẹ của bị cáo thì còn có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo với tư cách là bị đơn dân sự trong VAHS theo quy định của Bộ luật Dân sự. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện hợp pháp của bị cáo trong giai đoạn xét xử được quy định tại khoản 2 Điều 75; khoản 3 Điều 419; Điều 420 Bộ luật TTHS 2005, cụ thể là: lựa chọn NBC cho bị cáo; có quyền tham gia tố tụng theo quyết định của Tòa án; có mặt khi Tòa án lấy lời khai của bị cáo; hỏi bị cáo nếu được Hội đồng xét xử (HĐXX) đồng ý; được đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu và đề nghị thay đổi người THTT; tham gia tranh luận; khiếu nại các hành vi tố tụng của những người có thẩm quyền THTT và các quyết định của Tòa án; đọc hồ sơ vụ án khi kết thúc điều tra và phải có mặt tại phiên tòa.

Tuy nhiên về lâu dài, Bộ luật TTHS cần thiết phải bổ sung những quy định cụ thể để việc áp dụng pháp luật được thống nhất.

Như vậy, để đảm bảo tính thống nhất từ CQĐT đến Tòa án, thì cần phải có một Thông tư liên tịch của TAND tối cao, VKSND tối cao, Bộ Công an và Bộ Tư pháp hướng dẫn chế định BCVND hoặc Chính phủ ban hành một Nghị định về chế định BCVND để đảm bảo QBC cho bị can, bị cáo cũng như hoạt động bào chữa của những người không phải là luật sư.

Tuy nhiên, do những hạn chế về tâm sinh lý mà bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi không tự mình thực hiện được một số các quyền và nghĩa vụ cho nên để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ, Bộ luật TTHS đã quy định một số quyền và nghĩa vụ đặc biệt dành cho bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi trong đó có QBC được quy định tại Điều 414 Bộ luật TTHS hiện hành. QBC đó được thể hiện như sau:

Người đại diện hợp pháp của bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi có thể lựa chọn NBC hoặc tự mình bào chữa cho bị can, bị cáo.

Thực tế đã xảy ra những trường hợp bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi hoặc người đại diện hợp pháp của họ từ chối sự giúp đỡ, hỗ trợ về mặt pháp lý của luật sư vì họ không được giải thích về nội dung của QBC, như họ không hiểu biết hết về chế độ thù lao cho luật sư hay những trường hợp được giúp đỡ mà không phải trả thù lao.

Đề cập tới quyền từ chối luật sư của bị cáo người dưới 18 tuổi, Công văn số 16/1999/KHXX của TAND tối cao ngày 01/12/1999 có hướng dẫn như sau: đối với trường hợp luật sư chỉ định theo pháp luật vắng mặt tại phiên tòa mà tại phiên tòa bị cáo là người dưới 18 tuổi từ chối NBC của mình, thì Tòa án lập biên bản về việc từ chối NBC của bị cáo và biên bản phải có chữ ký của bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp của bị cáo lưu vào hồ sơ vụ án và tiến hành xét xử bình thường.

Trước khi mở phiên tòa, bị can, bị cáo, người đại diện hợp pháp của họ yêu cầu thay đổi hoặc từ chối NBC thì người có yêu cầu phải làm văn bản trong đó ghi rõ lý do yêu cầu thay đổi hoặc từ chối NBC và người có yêu cầu phải ký tên hoặc điểm chỉ vào biên bản. Về yêu cầu thay đổi hoặc từ chối NBC được giải quyết như sau:

Trường hợp yêu cầu thay đổi NBC, thì thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên tòa căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 74 của Bộ luật TTHS, hướng dẫn tại mục 1 Phần II của Nghị quyết này để xem xét, quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận.

Trường hợp yêu cầu từ chối NBC, thì vẫn tiến hành triệu tập NBC đã được phân cử tham gia phiên tòa theo thủ tục chung.

Và yêu cầu thay đổi hoặc từ chối NBC được giải quyết như sau:

Trường hợp yêu cầu thay đổi NBC, thì HĐXX thảo luận và thông qua tại phòng xử án.

Tóm lại, khi tham gia TTHS, bằng những hiểu biết pháp luật và kỹ năng nghề nghiệp của mình, NBC giúp cho bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi thực hiện tốt hơn QBC của họ theo quy định của pháp luật đồng thời giúp cho cơ quan THTT giải quyết vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, tránh thiên về buộc tội và xem xét một chiều.

2.2. Thực tiễn đảm bảo quyền bào chữa của bị cáo dưới 18 tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội

2.2.1. Khái quát về đặc điểm tự nhiên, tình hình kinh tế xã hội thành phố Hà Nội

Thủ đô Hà Nội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, là trung tâm đầu não về chính trị, văn hoá và khoa học kỹ thuật, đồng thời là trung tâm lớn về giao dịch kinh tế và quốc tế của cả nước.

Các đỉnh cao nhất là Ba Vì 1.281 mét; Gia Dê 707 mét; Chân Chim 462 mét; Thanh Lanh 427 mét và Thiên Trù 378 mét...Khu vực nội đô có một số gò đồi thấp, như gò Đống Đa, núi Nùng.

Hà Nội được hình thành từ châu thổ sông Hồng, nét đặc trưng của vùng địa lí thành phố Hà Nội là “Thành phố sông hồ” hay “Thành phố trong sông”. Trong đó, đoạn sông Hồng chảy qua Hà Nội dài tới 163km (chiếm 1/3 chiều dài của con sông này chảy qua lãnh thổ Việt nam). Trong nội đô ngoài 2 con sông Tô Lịch và sông Kim Ngưu còn có hệ thống hồ đầm là những đường tiêu thoát nước thải của Hà Nội.

Nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, khí hậu Hà Nội có đặc trưng nổi bật là gió mùa ẩm, nóng và mưa nhiều về mùa hè, lạnh và ít mưa về mùa đông; được chia thành bốn mùa rõ rệt trong năm: Xuân, Hạ, Thu, Đông. Mùa xuân bắt đầu vào tháng 2 (hay tháng giêng âm lịch) kéo dài đến tháng 4. Mùa hạ bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 8, nóng bức nhưng lại mưa nhiều. Mùa thu bắt đầu từ tháng 8 đến tháng 10, trời dịu mát, lá vàng rơi. Mùa đông bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 1 năm sau, thời tiết giá lạnh, khô hanh. Ranh giới phân chia bốn mùa chỉ có tính chất tương

đổi, vì Hà Nội có năm rét sớm, có năm rét muộn, có năm nóng kéo dài, nhiệt độ lên tới 40°C, có năm nhiệt độ xuống thấp dưới 5°C.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, dân số Hà Nội là 7.558.956 người. Tính đến năm 2018, dân số Hà Nội là 8.215.000 người,

Sau những thay đổi về địa giới và hành chính năm 2008, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Hà Nội hiện có 30 đơn vị hành chính cấp huyện – gồm 12 quận, 17 huyện, 1 thị xã – và 584 đơn vị hành chính cấp xã – gồm 386 xã, 177 phường và 21 thị trấn. 55% dân số sống ở đô thị và 45% dân số sống ở nông thôn.

2.2.2. Tình hình người dưới 18 tuổi phạm tội trên địa bàn thành phố Hà Nội

Với đặc điểm là thành phố lớn, dân số đông và đặc biệt cơ cấu dân số trẻ do đó Hà Nội là nơi có tình hình người dưới 18 tuổi phạm tội có số lượng lớn.

Bảng 2.1. Số người dưới 18 tuổi phạm tội bị đưa ra xét xử tại Hà Nội trong 5 năm 2013 – 2017

Năm	Số người dưới 18 tuổi bị đưa ra xét xử
2013	673
2014	766
2015	781
2016	841
2017	876
Tổng	3937

Nguồn: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

Qua bảng số liệu trên ta thấy tổng số 3.937 bị cáo dưới 18 tuổi bị đưa ra xét xử tại thành phố Hà Nội trong 5 năm từ năm 2013 đến năm 2017, trong tổng số 24.699 bị cáo bị đưa ra xét xử trong 5 năm thì số bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội chiếm 15.9%.

Cùng với sự gia tăng về số lượng thì mức độ nguy hiểm của tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện cũng có xu hướng nguy hiểm, liều lĩnh hơn. Tuy nhiên, do đặc điểm tâm sinh lý của người dưới 18 tuổi còn non nớt về thể chất và tinh thần nên động cơ, mục đích phạm tội của các em thường đơn giản hơn. Cùng với đó là hành vi phạm tội thường diễn ra nhanh chóng, mang tính manh động, liều lĩnh, do đó, hành vi phạm tội do người dưới 18 tuổi thực hiện không tinh vi, xảo quyệt.

Mặc dù vậy, trong những năm gần đây tính chất nguy hiểm của tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện cao hơn, số lượng các vụ án do người dưới 18 tuổi thực hiện có sử dụng bạo lực và có tính công khai, gây nguy hại lớn cho xã hội gia tăng, động cơ, mục đích phạm tội rõ ràng và có sự chuẩn bị hơn so với trước.

Bên cạnh đó, cũng đã xuất hiện một số vụ án do người dưới 18 tuổi thực hiện với tính chất băng nhóm, dùng hung khí để phạm tội. Tuy nhiên, phần lớn các nhóm, băng đảng này đều là hình thức đồng phạm đơn giản - mọi thành viên trong nhóm đều là người thực hành.

Về địa bàn thường được thực hiện ở các thành phố, thị xã, các khu đô thị mới và các khu vực tập trung nhiều dân cư. Thời gian hoạt động của tội phạm cũng không có sự cố định, tội phạm có thể thực hiện trong bất cứ thời điểm nào.

Về cơ cấu của tội phạm do người dưới 18 tuổi phạm tội thường tập trung vào các tội xâm phạm sở hữu hoặc tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người.

*** Nguyên nhân của tình hình phạm tội do người dưới 18 tuổi thực hiện tại thành phố Hà Nội**

Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội của người dưới 18 tuổi, tuy nhiên có một số nguyên nhân cơ bản sau đây:

Về phía gia đình: Gia đình có vai trò quan trọng trong việc hình thành tính cách, giáo dục các em trưởng thành, phát triển lành mạnh.

Nếu một gia đình có sự quan tâm, giám sát chặt chẽ các em thì sẽ là môi trường tốt để cách ly người dưới 18 tuổi khỏi điều kiện phạm tội, ngược lại nếu gia đình buông lỏng quản lý, không có sự quan tâm tới các em thì sẽ là nguy cơ đưa các em vào con đường phạm tội vì người dưới 18 tuổi còn non nớt về thể chất và nhận thức, dễ bị bạn bè lôi kéo.

Qua nghiên cứu, phần lớn trẻ em vi phạm pháp luật có hoàn cảnh gia đình kinh tế khó khăn hoặc gặp hoàn cảnh éo le: bố mẹ ly thân, ly dị, bố mẹ không có việc làm hoặc việc làm không ổn định. Trong nhiều trường hợp, người dưới 18 tuổi phạm tội do thiếu sự quan tâm, giám sát dạy bảo của người thân, nảy sinh tâm lý chán chường, bỏ học và bị bạn bè xấu rủ rê vào con đường phạm tội.

Về phía nhà trường: Cùng với gia đình, nhà trường chính là nơi giáo dục và rèn luyện các em. Nhà trường chính là môi trường để định hướng cho sự phát triển của các em, trong nhà trường dạy dỗ các em những chuẩn mực của xã hội và cùng với gia đình phối hợp quản lý các em. Tuy nhiên, có lúc có nơi nhà trường chưa thực hiện tốt chức năng của mình. Việc giáo dục lối sống, đạo đức cho các em trong nhà trường chưa được quan tâm đúng mức, tình trạng học sinh lười học, bỏ học đi lang thang còn nhiều. Một số vụ án phạm tội xảy ra do nhà trường chưa quản lý chặt chẽ, chưa nắm được những mâu thuẫn trong học sinh để kịp thời can thiệp nên dẫn đến trường hợp học sinh tụ tập lại thành từng nhóm giải quyết các mâu thuẫn theo kiểu xã hội đen, dẫn đến hành vi phạm tội.

Sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc nắm tình hình học tập, sinh hoạt và quản lý, giáo dục học sinh chưa tiến hành thường xuyên, chặt chẽ, tình hình học sinh vi phạm nội quy, thậm chí liên quan đến các tệ nạn xã hội vẫn chưa được phát hiện kịp thời.

Nguyên nhân từ phía xã hội: Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển, có sự giao thoa mạnh mẽ về kinh tế, văn hóa giữa các nước. Cùng

với những yếu tố tích cực trong sự giao thoa kinh tế, văn hóa thì các yếu tố mang tính tiêu cực cũng xâm nhập ảnh hưởng tới mọi người dân Việt Nam, đặc biệt là người dưới 18 tuổi với tâm lý thích cái mới. Một trong những ảnh hưởng đó là tính tự lập sớm của người dưới 18 tuổi, các em luôn muốn khẳng định cái tôi của mình, luôn muốn thoát ly khỏi sự giám sát của gia đình. Ngoài ra với tâm lý bốc đồng, dễ dàng trong việc tiếp thu, bắt chước những hành vi mang tính phiêu lưu, mạo hiểm nên nguy cơ phạm tội luôn cao.

Bên cạnh đó, trước sự phát triển kinh tế mạnh mẽ, các nước trên thế giới đang có xu hướng xích lại gần nhau trong bối cảnh toàn cầu hóa thì các chuẩn mực đạo đức trong xã hội cũng bị ảnh hưởng, các tệ nạn xã hội cũng có cơ hội phát triển, kèm theo đó là những tác động tiêu cực của sự phát triển khoa học kỹ thuật như sự phát triển công nghệ thông tin. Nhiều em khi được hỏi về nguyên nhân phạm tội đã nói do tác động của các tệ nạn xã hội và do ảnh hưởng của mạng internet.

Công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật, nếp sống văn hóa, bài trừ các tệ nạn xã hội như cờ bạc, mại dâm, ma túy... chưa thật sự hiệu quả. Công tác này mang nặng tính hình thức, chưa thường xuyên, liên tục, nội dung chưa phong phú nên không thu hút người dưới 18 tuổi tham gia. Ngoài ra, công tác phòng ngừa vi phạm pháp luật trong lứa tuổi người dưới 18 tuổi trong xã hội chưa có những biện pháp hiệu quả, sức mạnh của các hệ thống chính trị xã hội chưa được phát huy. Vai trò của các tổ chức như Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Đội nhi đồng, Đội thiếu niên tiền phong còn thấp trong công tác đấu tranh phòng, chống hành vi phạm pháp của người dưới 18 tuổi.

Về phía người dưới 18 tuổi: Một trong những nguyên nhân của tình hình phạm tội ở người dưới 18 tuổi xuất phát từ chính đặc điểm tâm sinh lý, nhận thức còn hạn chế của các em. Người dưới 18 tuổi đang trong quá trình hoàn thiện về thể chất và tinh thần, nhận thức còn hạn

chế nên dễ dàng bị lôi kéo vào con đường phạm tội. Ở độ tuổi này, với tâm lý luôn hướng tới những điều mới lạ, thích thể hiện bản thân nên trong nhiều trường hợp chỉ vì những xích mích nhỏ mà có thể dẫn đến hành vi vi phạm. Qua nghiên cứu cho thấy người dưới 18 tuổi vi phạm pháp luật chủ yếu là do bản thân thiếu tu dưỡng, rèn luyện, ham chơi, đua đòi các thói hư tật xấu.

Trên đây là một số nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc phạm tội của người dưới 18 tuổi, do đó, muốn hạn chế tình hình tội phạm ở độ tuổi này cần phải giải quyết triệt để các nguyên nhân trên và đòi hỏi sự quan tâm của toàn xã hội.

2.2.3. Kết quả đạt được trong đảm bảo quyền bào chữa của người dưới 18 tuổi phạm tội tại thành phố Hà Nội

Phân tích trên là một số nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc phạm tội của người dưới 18 tuổi, do đó, muốn hạn chế tình hình tội phạm ở độ tuổi này cần phải giải quyết triệt để các nguyên nhân trên và đòi hỏi sự quan tâm của toàn xã hội. Trách nhiệm bảo đảm QBC của bị can là người dưới 18 tuổi trong giai đoạn điều tra chủ yếu thuộc về phía CQĐT. Để đảm bảo QBC, CQĐT phải tạo những điều kiện cho bị can tự mình bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa. Đối với cơ quan Viện kiểm sát, công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp nói chung, trong đó có lĩnh vực hình sự ngày càng đạt hiệu quả cao. Theo báo cáo tổng kết công tác năm 2011 và triển khai công tác kiểm sát năm 2012 của ngành VKSND cho biết: “mặc dù trong nước còn có khó khăn, suy thoái kinh tế toàn cầu, tội phạm gia tăng và diễn biến phức tạp, nhưng với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, chúng ta đã vượt qua những thách thức. Nên kinh tế có sự chuyển biến tích cực, quốc phòng, an ninh được giữ vững, vị thế của đất nước trên trường quốc tế được tăng cường. Viện kiểm sát với chức năng, nhiệm vụ vừa là cơ quan trực tiếp tiến hành tố tụng vừa là cơ quan kiểm sát việc tuân theo pháp luật

trong quá trình tố tụng, cho nên Viện kiểm sát có vai trò rất lớn trong việc giải quyết VAHS, bảo đảm việc xử lý nghiêm minh đúng người, đúng tội, nhất là đối với bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi. Trong công tác xét xử, Tòa án các cấp đã thực hiện đổi mới một bước thủ tục xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở quy định của Bộ luật TTHS và theo tinh thần CCTP.

Số lượng bị cáo đã được xét xử trong năm qua tại thành phố Hà Nội chỉ có 10% bị cáo có người bào chữa trong đó bao gồm cả những bị cáo được Tòa án chỉ định người bào chữa. Với thống kê trên đây số lượng bị cáo có người bào chữa là rất ít so với số lượng bị cáo đã xét xử. Vì vậy các cấp Tòa án đã có rất nhiều cố gắng phấn đấu bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo thể hiện như sau:

*** Trước khi mở phiên tòa:**

Khi nghiên cứu hồ sơ vụ án chuẩn bị cho việc mở phiên tòa. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã phân loại được bị cáo và đã giải thích pháp luật cho bị cáo cũng như người thân của bị cáo về quyền tự bào chữa và quyền nhờ người khác bào chữa. Đã hướng dẫn các thủ tục cho họ nhất là các bị cáo thuộc đối tượng trợ giúp miễn phí. Khi giao quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị cáo đang bị tạm giam, thư ký phiên tòa đã giải thích cho họ nội dung quyết định, quyền của bị cáo được nhờ người bào chữa. Khi bị cáo có yêu cầu nhờ người bào chữa đưa đã cho họ danh sách địa chỉ của các luật sư (do Đoàn luật sư địa phương cung cấp) để họ lựa chọn người bào chữa, thông báo ngay cho người bào chữa hoặc hướng dẫn họ viết đơn gửi qua trại tạm giam hay thông báo cho thân nhân của họ để họ lập thủ tục nhờ người bào chữa thay cho bị cáo. Bị cáo không nhờ người bào chữa đã giải thích cho bị cáo tự trình bày và tự bào chữa tại phiên tòa.

Trường hợp bị cáo nhờ người bào chữa, sau khi nhận được những thủ tục liên quan đến việc bào chữa do bị cáo và người bào chữa chuyển

đến, trong thời hạn luật định Thẩm phán chủ tọa phiên tòa yêu cầu Chánh án hoặc Phó Chánh án được Chánh án ủy quyền cấp Giấy chứng nhận người bào chữa cho người bào chữa để họ thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhất là việc người bào chữa tiếp xúc với bị cáo đang bị tạm giam, vì việc bào chữa của luật sư sẽ chỉ là hình thức và không có hiệu quả nếu luật sư không hiểu được bản chất sự việc cũng như thái độ tâm lý và nguyện vọng của bị cáo mà mình nhận bào chữa nên luật sư gặp bị can sẽ giúp họ nhận thức đúng đắn việc bào chữa là nhằm bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của họ trên cơ sở pháp luật và sự thật khách quan vụ án, giải thích những vấn đề pháp luật liên quan cần thiết đến việc bào chữa mà bị can, bị cáo chưa hiểu hoặc không biết trình bày trước cơ quan tiến hành tố tụng để minh oan hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho họ; hoặc phân tích để cho bị cáo thấy sự thành khẩn khai báo sẽ giúp ích rất nhiều cho họ. Bên cạnh đó tạo điều kiện cho người bào chữa được tiếp cận hồ sơ, nghiên cứu và ghi chép những vấn đề cần thiết, sao chụp những tài liệu quan trọng phục vụ việc bào chữa gỡ tội cho bị cáo.

Đã triệu tập hoặc áp giải những người làm chứng quan trọng, triệu tập người giám định, người phiên dịch để họ trình bày tại phiên tòa nếu lời khai và kết luận của họ giúp xác định sự thật khách quan vụ án hay bảo đảm sự gỡ tội cho bị cáo.

Trường hợp xét xử vắng mặt bị cáo có lý do chính đáng thì quyết định xét xử đã được niêm yết công khai tại trụ sở chính quyền xã, phường, thị trấn nơi cư trú hoặc nơi làm việc cuối cùng của bị cáo, việc niêm yết được lập biên bản theo đúng quy định của pháp luật.

Yêu cầu HTND nghiên cứu hồ sơ vụ án, lên kế hoạch xét hỏi và xem xét những khiếu nại yêu cầu của người tham gia tố tụng trong đó có yêu cầu của bị cáo, người bào chữa giúp cho quá trình xét xử được khách quan và bảo đảm tính độc lập xét xử của HĐXX.

*** Trong phiên tòa**

HĐXX đã đảm bảo sự có mặt của bị cáo, đại diện hợp pháp của họ (đối với bị cáo chưa thành niên, có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất). Trường hợp vắng mặt bị cáo, người bào chữa, đại diện hợp pháp của bị cáo là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất, HĐXX đều hoãn phiên tòa để xét xử vào một ngày khác, ít khi thực hiện việc xét xử vắng mặt bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo và người bào chữa. Trường hợp vắng mặt bị cáo, HĐXX thấy có đủ căn cứ theo quy định của BLTTHS mới tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo. Song trên thực tế chỉ xét xử vắng mặt đối với bị cáo bỏ trốn mà việc truy nã không đạt kết quả trong vụ án đồng phạm có nhiều bị cáo và các bị cáo khác đã khai thành khẩn, cụ thể các hành vi phạm tội.

Trước khi vào phần xét hỏi các thành viên HĐXX (nhất là chủ tọa phiên tòa) đã giải thích rất rõ và cặn kẽ các quyền và nghĩa vụ của bị cáo, người bào chữa để họ hiểu và thực hiện tốt các quyền của họ tại phiên tòa. Hỏi ý kiến của người bào chữa, KSV về việc có xin hoãn phiên tòa trong trường hợp một số người tham gia tố tụng khác không có mặt tại phiên tòa, nếu yêu cầu của họ chính đáng và xét thấy cần thiết để làm rõ sự thật khách quan của vụ án HĐXX chấp nhận hoãn phiên tòa. Có khi còn tạm dừng phiên tòa để áp giải người làm chứng quan trọng đến phiên tòa nếu bị cáo và người bào chữa yêu cầu.

Ví dụ: Bị cáo Nguyễn Thế Quốc, sinh năm 1987 và Bùi Thanh Tùng, sinh năm 1986, đều trú quán: xã Phong Châu, huyện Đông Anh, Hà Nội bị truy tố tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 135 BLHS về hành vi như sau: Do quen biết chị Nguyễn Thị Dung, ngày 29/9/2008 chị Lại Thị Hạnh sinh năm 1985, trú quán thôn Thanh Khánh, xã Bình Minh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa có về nhà chị Dung ở thôn Khuốc Tây, xã Phong Châu, Đông Anh, thành phố Hà Nội chơi. Sau khi ăn cơm tối xong Nguyễn Thế Quốc (em trai chị Dung) dùng xe mô tô của gia đình chở chị Hạnh rủ Bùi Thanh Tùng lên thị trấn Đông Anh chơi.

Khi gần đến thị trấn Tùng vào hiệu cầm đồ cầm điện thoại của mình lấy 300.000, Quốc rủ thêm bạn gái rồi 4 người đi chơi. Đến 23h Quốc và bạn gái về còn Tùng và Hạnh thuê khách sạn ngủ qua đêm.

Khoảng 7h ngày 30/9/2008 Tùng gọi Quốc đem tiền lên để chuộc điện thoại của Tùng về. Do không vay được tiền, Quốc nói với Tùng “Em không mượn được tiền, bây giờ mượn điện thoại của Hạnh cầm lấy tiền chuộc điện thoại của anh” Tùng đồng ý. Quốc hỏi Hạnh mượn điện thoại nhưng Hạnh không cho mượn. Sau đó cả 3 lên thành phố Hà Nội chơi trên đường đi Quốc, Tùng nhiều lần hỏi mượn điện thoại nhưng Hạnh vẫn không đồng ý. Khi quay về đến khu vực gần lối rẽ vào xã Trọng Quan, Quốc điều khiển xe đi chậm quay lại nói với chị Hạnh "Thế em có cho bọn anh Mượn điện thoại không", chị Hạnh không trả lời, Quốc liền đe dọa “Em có muốn về Thanh Hóa không, em có muốn chết không” làm chị Hạnh sợ buộc phải lấy điện thoại tháo sim đưa cho các bị cáo. Trong khi Quốc có những lời nói đe dọa chị Hạnh thì Tùng không can ngăn và trực tiếp cầm điện thoại do Hạnh đưa, sau đó cả 2 đem bán được 500.000đ lấy tiền chuộc điện thoại và chi tiêu. Trong khi Quốc có hành vi đe dọa chị Hạnh thì có chị Nguyễn Thị N - người xã Trọng Quan làm đồng gần đó thấy 3 người to tiếng chị đi lên thì Hạnh chạy ra ôm lấy chị kêu cứu nhưng đã bị Quốc lôi lại và nói chị đi đi, đây là vợ em để em giải quyết nên chị N đã bỏ đi. Tại phiên tòa các bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình mà cho rằng chỉ mượn điện thoại của chị Hạnh và được chị Hạnh đồng ý. Chị Hạnh vắng mặt tại phiên tòa vì đã bỏ đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương. Để vụ án được xét xử khách quan và đảm bảo quyền lợi cho bị cáo HĐXX đã tạm dừng phiên tòa để áp giải chị Nguyễn Thị N đến tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Trong trường hợp bị cáo yêu cầu xin hoãn phiên tòa để mời người bào chữa, HĐXX xem xét rất kỹ lý do để quyết định hoãn hay không

hoãn phiên tòa, nhưng về cơ bản, đều hoãn phiên tòa để bị cáo mời người bào chữa.

Ví dụ: Vụ án Trần Duy Hường, sinh năm 1989, trú quán: tổ 2, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội bị VKS nhân dân huyện Đông Anh truy tố về tội “Chế tạo trái phép vật liệu nổ” theo khoản 1 Điều 232 BLHS với hành vi như sau: Khoảng 15h ngày 22/01/2009, Trần Duy Hường lợi dụng lúc gia đình không có ai ở nhà, Hường đem nguyên vật liệu gồm: Thuốc tím, lưu huỳnh, phốt pho và bột nhũ pha thuốc pháo để làm pháo nổ. Quá trình pha chế thuốc pháo diễn ra đến 16h cùng ngày thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang thu giữ tại nhà bị cáo 0,95 kg thuốc pháo đã pha chế, 0,05 kg ngòi pháo, 1,2 kg vỏ pháo, 0,6 kg giấy học sinh đã được cắt nhỏ và một số các dụng cụ liên quan cân đĩa, dũa tre, ống tuýp, đoạn gỗ...

Sau khi bị bắt giữ Hường khai mua nguyên vật liệu để làm thuốc pháo của của một người đàn ông không rõ tên tuổi địa chỉ tại chợ Lịch Động, Đông Anh. Ngòi pháo mua của một người lạ ở Đông Hải, Đông Anh.

Bản giám định số 334/PC 21 ngày 10/02/2009 của Viện Khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát kết luận: Chất bột màu xám gửi giám định là thuốc pháo, có thành phần chính gồm Kali permanganat (Kmn04), Lưu huỳnh (s), phốt pho (p), bột nhôm (Al). Các sợi dây gửi giám định là ngòi pháo, chất bột màu đen bên trong các ngòi pháo có thành phần chính gồm Kalinatri (KN03), Lưu huỳnh (s), bột than (C) và bột nhôm (Al).

Sau khi thụ lý hồ sơ vụ án có hai quan điểm.

Quan điểm thứ nhất: Cho rằng bị cáo không phạm tội vì không thu được số lượng pháo nổ thỏa mãn yếu tố cấu thành tội phạm quy định tại điểm a, c mục 1 Thông tư liên tịch số 06/2008/TTLT ngày 25 tháng 12 năm 2008, Pháo nổ là loại sản phẩm bên trong có chứa thuốc pháo, khi

có yếu tố ngoại lực tác động thì gây ra tiếng nổ; trọng lượng pháo nổ gồm: vỏ pháo, thuốc pháo, dây cháy chậm, ống phóng pháo và các bộ phận gắn liền với pháo thành phẩm; và mục 2.1 quy định: Người nào sản xuất pháo nổ có số lượng từ 2kg đến dưới 30kg; chế tạo, tàng trữ...trái phép.... thuốc pháo có số lượng từ 1kg đến dưới 15 kg hoặc dưới số lượng đó, nhưng đã xử lý hành chính hoặc gây hậu quả nghiêm trọng thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 232 BLHS.

Quan điểm thứ 2: Cho rằng bị cáo có tội vì tuy không bắt giữ được số lượng pháo thành phẩm nhưng căn cứ vào tang vật thu được và mục đích làm pháo của bị cáo.

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa nghiên cứu hồ sơ và văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật thấy rằng hành vi của bị cáo không đủ yếu tố cấu thành tội phạm đã giải thích cho bị cáo nên nhờ người bào chữa sẽ đảm bảo quyền lợi cho bị cáo được tốt hơn. Tại phiên tòa ngày 14/8/2009 HĐXX đã chấp nhận yêu cầu của bị cáo xin hoãn phiên tòa để mời luật sư bào chữa.

Trường hợp khi tham gia phiên tòa bị cáo bị ốm hay có biểu hiện mệt mỏi, khai báo không minh mẫn HĐXX đã yêu cầu bác sỹ kiểm tra tình trạng sức khỏe của bị cáo, trên cơ sở kết luận của bác sỹ HĐXX quyết định, nhưng hầu hết đều hoãn phiên tòa đảm bảo quyền lợi cho bị cáo.

Ví dụ: Vụ án Nguyễn Trọng Bắc, sinh năm 1978, trú quán: phường Cửa Bắc, quận Hoàn Kiếm thành phố Hà Nội. Ngày 24/6/2009 Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm mở phiên tòa xét xử đối với bị cáo. Nhưng khi HĐXX đang làm thủ tục kiểm tra căn cước giải thích quyền và nghĩa vụ đối với bị cáo thì bị cáo xin hoãn phiên tòa với lý do sức khỏe yếu, người mệt mỏi, chân tay run, không thể khai báo được. HĐXX đã yêu cầu bác sỹ kiểm tra tại chỗ tình trạng sức khỏe của bị cáo. Sau khi khám xét bác sỹ kết luận bị cáo huyết áp cao, tim đập nhanh, không đảm bảo

sức khỏe tham gia phiên tòa. HĐXX đã thảo luận và quyết định hoãn phiên tòa để xét xử vào ngày khác đảm bảo quyền lợi cho bị cáo.

Trong quá trình xét hỏi, HĐXX thực hiện đúng trình tự xét hỏi, rất tôn trọng bị cáo và người bào chữa, về cơ bản, không dùng các câu hỏi có tính áp đặt như “có hay không”, “đúng hay không đúng” hay mớm cung để cho bị cáo trả lời, định hướng cho bị cáo đưa ra các tài liệu đồ vật yêu cầu (nếu có). Bên cạnh đó tạo điều kiện cho người bào chữa tham gia xét hỏi đối với những người tham gia tố tụng, không khống chế về thời gian, không cắt những câu hỏi có liên quan đến vụ án theo hướng có lợi cho bị cáo và chứng minh phủ định nội dung cáo trạng.

Phần tranh luận tại phiên tòa đã làm theo đúng trình tự, HĐXX bảo đảm cho bị cáo, người bào chữa được phát biểu ý kiến bào chữa, ý kiến bảo vệ quyền lợi, không giới hạn thời gian và không hạn chế về số lần đối đáp nếu ý kiến đó không bị trùng lặp và tạo sự bình đẳng trong tranh luận giữa đại diện VKS và những người tham gia tố tụng có quyền tranh luận. Yêu cầu đại diện VKS phải đối đáp đúng trọng tâm vấn đề cần tranh luận.

2.2.4. Những hạn chế, tồn tại trong bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo là người dưới 18 tuổi

*** Những hạn chế**

Điều này dẫn đến việc QBC của bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi chưa được bảo đảm, đồng thời ảnh hưởng đến hiệu quả trong việc thực thi nhiệm vụ chung của TTHS.

Qua đó, người THTT mới có thể thực hiện được tốt nhiệm vụ của mình và giúp cho người dưới 18 tuổi khai báo, hợp tác tốt.

Hiện nay, tuy có quy định về thủ tục đặc biệt dành cho bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi, nhưng Việt Nam chưa có những cơ quan chuyên biệt cho người dưới 18 tuổi, nên những người THTT thường phải

kiêm nhiệm giải quyết cả những vụ án do người thành niên thực hiện và những vụ án do người dưới 18 tuổi thực hiện.

Đối với quyền từ chối NBC của bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi và người đại diện hợp pháp của họ có thể hiểu là họ có quyền hoàn toàn từ chối, họ không cần có sự giúp đỡ của NBC và tự mình thực hiện QBC.

Bên cạnh đó, chúng tôi cho rằng quy định trên chỉ phù hợp với đối tượng được quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 75 tức là bị can, bị cáo theo tội có khung hình phạt cao nhất là tử hình. Do đó, họ có quyền tự mình quyết định việc yêu cầu hay từ chối NBC. Còn những đối tượng được quy định tại điểm (b) là những đối tượng chưa đủ trình độ phát triển về thể chất cũng như tinh thần hoặc là người bị nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất thì họ khó có thể nhận thức được đầy đủ và đúng đắn về hành vi từ chối NBC của mình. Và đồng thời họ khó có thể hiểu được hậu quả có thể xảy ra khi họ từ chối NBC. Qua đó, chúng tôi cho rằng cơ quan THTT cần phải xem xét quyết định chấp nhận hay không chấp nhận quyền từ chối NBC của bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi hoặc người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất.

Trong Điều 75 Bộ luật TTHS không quy định quyền yêu cầu thay đổi NBC được bao nhiêu lần. Theo quan điểm của chúng tôi, để đảm bảo QBC của bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi và tạo sự thuận lợi cho các hoạt động tố tụng của các cơ quan THTT thì luật nên quy định cho các chủ thể nêu trên chỉ được yêu cầu thay đổi một lần.

Quy định về người đại diện hợp pháp của bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi còn chưa rõ ràng. Trong một số điều luật cũng có xác định người bị tạm giữ, bị can, bị cáo người dưới 18 tuổi phải có phải có người đại diện hợp pháp tham gia (các Điều 75 và 414), Nghị quyết số 03/2004/NQ-HĐTP ngày 02-10-2004 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ nhất “Những

quy định chung” của Bộ luật TTHS 2015 cũng chỉ nêu trong trường hợp bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi thì có người đại diện hợp pháp, còn ai là người đại diện hợp pháp của bị can, bị cáo cũng chưa hướng dẫn cụ thể. Trong thực tiễn xét xử, việc xác định người đại diện hợp pháp của bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi cũng chưa thống nhất. Một số tòa án xác định bố, mẹ bị cáo là người đại diện hợp pháp của bị cáo hoặc người giám hộ của bị cáo; có tòa án chỉ xác định anh, chị, cô, dì, chú, bác.v.v...là người đại diện hợp pháp hoặc người giám hộ của bị cáo; có tòa án chỉ xác định là người giám hộ của bị cáo mà không xác định họ là người đại diện hợp pháp của bị cáo; có tòa án xác định đại diện nhà trường, Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ... là người đại diện hợp pháp hoặc người giám hộ của bị cáo. Việc xác định người giám hộ của bị cáo như trên rõ ràng chưa chính xác và không đúng với quy định của Bộ luật TTHS về tư cách tham gia tố tụng. Khái niệm “người giám hộ” chỉ dùng trong quan hệ pháp luật dân sự, còn pháp luật TTHS chỉ quy định “người đại diện hợp pháp” của bị can, bị cáo. Việc xác định không chính xác tư cách tham gia tố tụng sẽ dẫn đến hậu quả pháp lý khác nhau khi cần phải xem xét tính đúng đắn của các bản án, quyết định của Tòa án đối với quyền và nghĩa vụ của người đại diện hợp pháp của bị cáo.

Qua đó, cần thấy rằng, người đại diện hợp pháp của bị cáo chỉ có khi bị cáo là người dưới 18 tuổi. Không ai có thể ủy quyền cho người khác thay mình tham gia tố tụng với tư cách là bị cáo được; ngay trong trường hợp đã có người đại diện hợp pháp, nhưng bị cáo vẫn phải tham gia tố tụng, người đại diện hợp pháp chỉ là người giúp đỡ bị cáo thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật TTHS.

Khoản 2 Điều 420 quy định: “trong trường hợp cần thiết, việc hỏi cung bị can tại Cơ quan điều tra phải có mặt đại diện gia đình bị can”. Có thể nhận thấy quy định này quá chung chung về căn cứ để thực hiện biện pháp này. Cho đến nay, vẫn chưa có một văn bản nào hướng dẫn cụ

thể như thế nào là trường hợp cần thiết mà “trường hợp cần thiết” thường phụ thuộc vào ý chí chủ quan của CQĐT. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, nếu theo đánh giá của Tòa án thì trường hợp đó có thể coi là trường hợp cần thiết, nhưng việc hỏi cung bị can tại CQĐT không có mặt đại diện của gia đình bị can (do CQĐT đánh giá trường hợp này không phải là trường hợp cần thiết) thì Tòa án không được trả hồ sơ để điều tra bổ sung với lý do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Chính từ việc quy định chưa rõ ràng như vậy cho nên đại diện của gia đình của bị can là người dưới 18 tuổi hiếm khi được CQĐT mời tham dự những buổi hỏi cung với lý do “để giữ bí mật trong quá trình điều tra tội phạm”. Thông thường, đại diện của gia đình chỉ được CQĐT mời tham gia tố tụng khi sắp kết thúc điều tra hay khi cần giải quyết về bồi thường thiệt hại vật chất cho người bị hại do người dưới 18 tuổi phạm tội gây ra, hoặc họ tham dự phiên tòa chủ yếu là chỉ đến xem Tòa án xét xử và nghe tuyên án.

Tuy nhiên, đối với những vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ngoài những điều kiện kể trên, tùy thuộc vào nội dung phạm tội mà người dưới 18 tuổi đã thực hiện, khi cần thiết phải giữ bí mật đời tư của người dưới 18 tuổi, của gia đình họ, hoặc khi thấy không nên để những người khác biết về diễn biến hành vi phạm tội của họ, hoặc theo yêu cầu của gia đình hay bản thân người dưới 18 tuổi...thì Tòa án có thể quyết định việc xử kín để tránh gây ảnh hưởng xấu đối với người dưới 18 tuổi và đảm bảo mục đích của luật hình sự là giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội trở thành một người tốt.

Nhưng theo chúng tôi cần phải quy định cụ thể hơn về những trường hợp Tòa án phải xét xử kín trong những vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi vì hiện nay chưa có một văn bản pháp luật nào quy định thế nào là “những trường hợp cần thiết” mà tùy thuộc vào các hình thức xét xử do Tòa án lựa chọn, cho nên dễ dẫn đến việc Tòa án lạm quyền,

không tôn trọng các quyền của bị cáo. Và theo quan điểm của chúng tôi không cần thiết phải mở phiên tòa công khai trong tất cả những vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi tham gia.

*** Những hạn chế, tồn tại trong áp dụng pháp luật**

Về ý thức trách nhiệm của cơ quan THTT, người THTT: thực tế giải quyết VAHS có người dưới 18 tuổi phạm tội tham gia cho thấy, mặc dù chất lượng công tác bảo đảm QBC của bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi đã được nâng cao kể từ khi có Nghị quyết 49/NQ/TW ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”. Tuy nhiên, theo Báo cáo của Chánh án TAND tối cao về công tác của tòa án tại kỳ họp thứ sáu Quốc hội khóa XIII ngày 25-10-2013, số lượng án xét xử trong năm 2013 là 364.819 vụ án các loại trong tổng số 395.415 vụ án đã thụ lý (đạt tỷ lệ 92,3 %), tăng 34.474 vụ so với năm 2012. Nhưng, chỉ tiêu “giảm ít nhất 1% tỷ lệ bản án, quyết định bị hủy, sửa do nguyên nhân chủ quan so với năm 2012” mà Nghị quyết số 37 của Quốc hội đề ra là không đạt được (số VAHS trên phạm vi cả nước bị xem xét lại theo thủ tục Giám đốc thẩm và Tái thẩm là 11.756 vụ) [39].

Theo Báo cáo, nguyên nhân chính dẫn đến việc tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy, sửa là do lỗi chủ quan của thẩm phán, một số thẩm phán, cán bộ Tòa án hạn chế về năng lực, trình độ, tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân. Nguyên nhân khách quan như do quy định pháp luật chưa chặt chẽ... đã dẫn đến số lượng các vụ án bị xem xét lại theo thủ tục Giám đốc thẩm và Tái thẩm trong thời gian qua là rất lớn. Qua đó, cho thấy việc ý thức tuân thủ pháp luật của các cơ quan THTT vẫn còn nhiều bất cập.

Về nguyên tắc, CQĐT của cấp nào thì có trách nhiệm điều tra các tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của TAND cùng cấp, trừ các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của CQĐT VKSND tối cao và Cơ quan An ninh điều tra trong Công an nhân dân. Mỗi cơ quan có các bộ phận

chuyên trách điều tra theo nhóm tội và khung hình phạt theo BLHS mà không có sự phân định thẩm quyền điều tra theo chủ thể thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với cơ quan Viện kiểm sát, theo Luật tổ chức VKSND thì hệ thống cơ quan VKSND bao gồm các VKSND và các Viện kiểm sát quân sự. Về cơ cấu tổ chức, ở mỗi cấp đều chia thành các bộ phận nghiệp vụ theo các lĩnh vực thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự của các CQĐT và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra... Như vậy, cơ cấu tổ chức của VKSND cũng không có đơn vị chuyên trách về thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp về các vụ án hình sự do người dưới 18 tuổi thực hiện.

Đối với cơ quan xét xử, theo Luật Tổ chức TAND năm 2014 thì hệ thống Tòa án bao gồm các TAND và các Tòa án quân sự. Hệ thống TAND được tổ chức cùng với đơn vị hành chính từ cấp huyện đến cấp trung ương. Về thẩm quyền, các TAND có thẩm quyền xét xử các VAHS, dân sự, kinh tế, hành chính, lao động. Chúng ta chưa có cơ quan xét xử riêng cho đối tượng người dưới 18 tuổi. TAND cấp tỉnh, thành phố trở lên thì những VAHS nói chung, trong đó có những vụ án do người dưới 18 tuổi thực hiện, là do Tòa hình sự giải quyết. Đối với cấp quận, huyện do số lượng thẩm phán còn thiếu nên đa số Tòa án phân công cho một thẩm phán giải quyết tất cả các loại án khác nhau, bao gồm cả án hình sự, dân sự, kinh tế... Chúng ta chưa có đội ngũ thẩm phán chuyên trách có kinh nghiệm và am hiểu tâm sinh lý của người dưới 18 tuổi. Do đó, khi xét xử, họ không thể nhìn thấy hết được những nguyên nhân tiềm ẩn bên trong, mục đích, động cơ thúc đẩy người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội.

- Về ý thức trách nhiệm của NBC : tính đến ngày 10/11/2013, số lượng luật sư trên cả nước là 8.265 luật sư và 3.500 người tập sự hành

nghề luật sư. Riêng Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh có 3.610 luật sư và 1.429 người tập sự hành nghề luật sư, chiếm hơn 45% số lượng luật sư cả nước. Theo báo cáo chưa đầy đủ của các tổ chức hành nghề, trong 5 năm vừa qua số vụ án, vụ việc do các tổ chức hành nghề tại thành phố nhận bào chữa cho các bị can, bị cáo là 5.122 VAHS. Trong các VAHS, 3.024 vụ có luật sư bào chữa do cơ quan THTT chỉ định và 2.098 vụ do khách hàng yêu cầu (theo báo cáo tổng kết hoạt động nhiệm kỳ 2008-2013 và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2013-2018 của Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh ngày 25-11-2013).

- Bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi thiếu tính chủ động trong việc bào chữa và nhờ người khác bào chữa. Nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên là xuất phát từ lý do sau:

Hạn chế về nhận thức từ phía bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi. Bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi có thể vì nhận thức hạn chế, chưa đầy đủ nên đã có hành vi phạm tội. Thế nhưng pháp luật bắt buộc họ phải nhận thức việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội là trái pháp luật và đáng phải chịu hình phạt. Sự hạn chế nhận thức là một trong những nguyên nhân đưa đến việc một người thực hiện hành vi phạm tội và làm xuất hiện yêu cầu thực hiện QBC. Không phải bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi nào cũng biết và tích cực thực hiện QBC của mình.

- Về cơ sở vật chất để tiến hành hoạt động điều tra: một trong những mặt vướng mắc, khó khăn khác không kém phần quan trọng là cơ sở vật chất để tiến hành hoạt động điều tra, cụ thể là phòng hỏi cung. Hiện nay, bị can là người dưới 18 tuổi vẫn bị hỏi cung tại những nơi lấy cung của người thành niên.

- Về trình tự thủ tục phiên tòa xét xử người dưới 18 tuổi: Bộ luật TTHS nước ta mặc dù đã quy định một chương riêng về thủ tục đặc biệt đối với người dưới 18 tuổi nhưng vẫn chưa quy định cụ thể về trình tự, thủ tục xét xử đối với người dưới 18 tuổi. Các phiên tòa xét xử người

dưới 18 tuổi hiện nay cũng giống như xét xử đối với người thành niên. Với tâm lý chưa ổn định, nhạy cảm và dễ bị ảnh hưởng bởi tác động bên ngoài, từ thái độ của người lớn tuổi, người dưới 18 tuổi cần có môi trường xét xử phù hợp, thân thiện. Việc người dưới 18 tuổi bị đưa ra xét xử trong một môi trường giống như các bị cáo đã thành niên (nếu họ là đồng phạm trong một vụ án) làm cho người dưới 18 tuổi bị ảnh hưởng tiêu cực từ phía bị cáo đã thành niên và có thể họ sẽ liều lĩnh và nguy hiểm hơn sau khi bị đưa ra xét xử, không đáp ứng yêu cầu phòng chống tội phạm.

Tiểu kết chương

Bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo dưới 18 tuổi đã góp phần không nhỏ vào công cuộc xây dựng đất nước, đảm bảo pháp chế XHCN phù hợp với đường lối xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN đã được Đảng, Nhà nước xác định rõ trong các văn bản quan trọng nhất và được nhân dân đồng tình ủng hộ. Đó là yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền đòi hỏi phải thiết lập được một nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, kiểm soát và phòng chống các vi phạm pháp luật một cách hiệu quả, duy trì và bảo vệ công lý.

Quyền được nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử là quyền quan trọng của bị cáo.

Trên cơ sở quyết định đưa vụ án ra xét xử, với những căn cứ cho rằng những người THPT được ghi trong quyết định đó không vô tư trong khi làm nhiệm vụ thì bị cáo có quyền đề nghị thay đổi họ. Cũng từ đó, bị cáo có thể kịp thời đề xuất việc triệu tập thêm người làm chứng hoặc chuẩn bị thêm vật chứng để đưa ra xem xét tại phiên tòa.

Đồng thời quy định này nhằm giúp bị cáo được tự bào chữa cho mình. Quy định này cũng đặt ra yêu cầu đối với các cơ quan THPT phải giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật, các văn bản, quyết định được ban hành phải có căn cứ và hợp pháp.

Chương 3

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẢM BẢO QUYỀN BÀO CHỮA CỦA BỊ CÁO DƯỚI 18 TUỔI

3.1. Quan điểm đảm bảo quyền bào chữa của bị cáo là người dưới 18 tuổi trong giai đoạn hiện nay

Tổ tụng hình sự là hoạt động đặc thù của nhà nước nhằm phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội với đòi hỏi bảo đảm tính công bằng của pháp luật; bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong quá trình giải quyết vụ án hình sự ngày càng cao.

Vấn đề bảo đảm quyền bào chữa đã được Luật Tổ tụng hình sự Việt Nam ghi nhận là nguyên tắc cơ bản trong tổ tụng hình sự và ngày càng được hoàn thiện đã bảo đảm tốt hơn quyền con người trong đó có quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Đồng thời với việc bảo vệ quyền của người yếu thế, việc bảo đảm thực hiện tốt quyền bào chữa có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng. Nó buộc các cơ quan này phải thật sự cẩn trọng, có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ, qua đó giảm thiểu sai lầm, giúp cho việc giải quyết vụ án được khách quan, công bằng, hiệu quả; đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; không làm oan người không có tội hoặc bỏ lọt tội phạm. Các cơ quan này sẽ phải không ngừng nâng cao, hoàn thiện năng lực chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội trong đấu tranh phòng chống tội phạm và bảo vệ quyền con người trong tổ tụng hình sự.

Trong giai đoạn hiện nay, cùng với việc tiếp tục đẩy nhanh quá trình cải cách kinh tế và cải cách nền hành chính quốc gia, Đảng và Nhà nước rất chú trọng việc đẩy mạnh cải cách tư pháp, coi đây như là khâu

đột phá quan trọng, thúc đẩy quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Điều này đã thể hiện rõ nét trong các Nghị quyết của Đảng như: Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 là “Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp phù hợp với mục tiêu, định hướng của chiến lược cải cách tư pháp”; Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 là: Coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp... và cải cách mạnh mẽ các thủ tục tố tụng tư pháp theo hướng dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, chặt chẽ nhưng thuận tiện, bảo đảm sự tham gia và giám sát của nhân dân đối với hoạt động tư pháp, bảo đảm chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, lấy kết quả tranh tụng tại tòa án làm căn cứ quan trọng để phán quyết bản án, coi đây là khâu đột phá để nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp....

Nhưng tại Báo cáo tổng kết 08 năm thực hiện Nghị quyết số 49NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 của Ban chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương đã chỉ rõ “Hoạt động của các cơ quan tư pháp vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa”. Để góp phần thực hiện tốt cải cách tư pháp, đẩy mạnh tranh tụng trong xét xử theo tinh thần của các Nghị quyết số 08/NQ-TW, Nghị quyết số 48NQ/TW và Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị, một trong những yêu cầu đặt ra là hoàn thiện các quy định pháp luật về nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa trong TTHS.

Cùng với yêu cầu của quá trình hội nhập quốc tế, sự phù hợp với pháp luật quốc tế, với các văn kiện pháp lý quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, gia nhập ví dụ như Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính

trị năm 1966 (ICCPR), Công ước chống tra tấn; vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, Hiến pháp năm 2013 tiếp tục khẳng định quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo đồng thời ghi nhận thêm quyền bào chữa cho người bị bắt.

Bên cạnh đó một số văn bản pháp luật được ban hành có nội dung liên quan đến bảo đảm quyền bào chữa như Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006 có quy định về Trợ giúp viên pháp lý và quyền bào chữa của người được trợ giúp pháp lý; Luật Luật sư năm 2006 được sửa đổi, bổ sung năm 2012 quy định cụ thể về Luật sư và phạm vi, hình thức hành nghề luật sư trong đó có hoạt động tham gia tố tụng hình sự. Do đó cần thiết phải tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định của Bộ luật TTHS năm 2015 cho phù hợp với Hiến pháp và bảo đảm tính thống nhất với các văn bản pháp luật khác.

Cùng với việc ghi nhận bảo đảm quyền bào chữa là nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2013 đã có nhiều quy định nhằm bảo đảm nguyên tắc được thực hiện một cách có hiệu quả nhất. Nhưng các quy định này còn rải rác, chưa tập trung, còn nhiều bất cập ví dụ như quy định về quyền của người bào chữa, về thủ tục cấp giấy chứng nhận người bào chữa, quy định về mức chi trả thù lao cho người bào chữa, đối tượng được bảo đảm quyền bào chữa chưa được mở rộng đối với đối tượng là người bị bắt như quy định của Hiến pháp... Việc tăng cường tranh tụng trong tố tụng hình sự được xác định là giải pháp quan trọng tạo những bước có tính đột phá; đẩy mạnh dân chủ, công bằng, công khai trong tố tụng hình sự; tạo ra cơ chế bảo vệ tốt hơn quyền con người của người yếu thế; đồng thời đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nâng cao trách nhiệm, trình độ, năng lực, bản lĩnh trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ nhưng hiện nay

việc thực hiện tranh tụng vẫn chưa được nghiên cứu, ghi nhận đầy đủ và thực hiện chưa thật sự hiệu quả.

Trên cơ sở nghiên cứu các quy định của pháp luật về nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa trong tố tụng hình sự và thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk còn gặp những hạn chế, vướng mắc nhất định đã ảnh hưởng không nhỏ đến quyền bào chữa – quyền con người của của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự. Do đó việc tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các quy định pháp luật về nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa trong tố tụng hình sự là hết sức cần thiết và cấp bách nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, đáp ứng được đòi hỏi của xã hội.

3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả đảm bảo quyền bào chữa của bị cáo là người chưa thành niên

3.2.1. Hoàn thiện quy định của pháp luật

Bị cáo là người dưới 18 tuổi trong TTHS. Lịch sử TTHS Việt Nam hơn 50 năm qua đã ghi nhận, khẳng định và ngày càng bảo đảm QBC của bị can, bị cáo nói chung trong TTHS, trong đó, QBC của người dưới 18 tuổi phạm tội được đặc biệt coi trọng. Chưa đáp ứng được đầy đủ những yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm trong tình hình mới.

Bên cạnh đó, để thành lập được Tòa án người dưới 18 tuổi và các CQĐT, truy tố chuyên trách đòi hỏi phải có một hệ thống hoàn chỉnh các văn bản pháp luật TTHS và các văn bản pháp luật khác liên quan.

Chúng ta cần phải có những hoạt động hệ thống, củng cố lại các quy phạm pháp luật và cơ chế thực hiện QBC của bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi đang tồn tại để phát hiện những cản trở, thiếu sót đang tồn tại mà tìm ra giải pháp khắc phục kịp thời, như xác định những văn bản pháp luật hiện hành trong đó có quy định những thủ tục, quy trình tố tụng, yêu cầu về chứng cứ, hoặc trách nhiệm báo cáo có thể gây khó

khẩn hoặc cản trở thái quá cho những trẻ em là người dưới 18 tuổi vi phạm pháp luật; rà soát lại công tác điều tra hiện tại, các chính sách quản lý trường hợp và báo cáo trường hợp để đảm bảo rằng các hoạt động và chính sách này được xây dựng, hướng dẫn rõ ràng và thiết thực về phương pháp tiến hành các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử theo hướng nhạy cảm đối với các chủ thể này, và sửa đổi những chính sách đó nếu cần thiết; xây dựng một chính sách riêng về điều tra, truy tố, xét xử các vụ án liên quan đến người dưới 18 tuổi và đảm bảo rằng chính sách đó phù hợp với luật pháp quốc tế và được thực hiện có hiệu quả, cụ thể:

- Trên thực tế, phần lớn người THPT đối với trường hợp bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi còn có những điểm chưa đáp ứng. Theo quy định tại Điều 415 Bộ luật TTHS 2015 quy định: “Người tiến hành tố tụng đối với vụ án có người dưới 18 tuổi phải là người đã được đào tạo hoặc có kinh nghiệm điều tra, truy tố, xét xử vụ án liên quan đến người dưới 18 tuổi, có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người dưới 18 tuổi.” là không có tính khả thi, vì các yêu cầu này còn mang tính chung chung, chưa được cụ thể hóa thành những tiêu chí cụ thể và trên thực tế nhiều trường hợp khi tiến hành TTHS đối với trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội, những người THPT lại dựa trên kinh nghiệm và đường lối TTHS áp dụng đối với người thành niên. Vì lẽ đó, điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán phải là những người được đào tạo chuyên sâu về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người dưới 18 tuổi và phải có kinh nghiệm trong hoạt động đấu tranh, phòng chống tội phạm của người dưới 18 tuổi. Chúng tôi kiến nghị sửa đổi Điều 415 như sau: “Điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán tiến hành tố tụng đối với người chưa thành niên phạm tội phải là người được đào tạo về tâm lý học, khoa học giáo dục chuyên sâu cũng như có kinh nghiệm trong hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm của người chưa thành niên”.

- Như đã phân tích, chúng ta thấy được khái niệm “đại diện của gia đình” rộng hơn khái niệm “người đại diện hợp pháp” của người dưới 18 tuổi, vì người đại diện hợp pháp chỉ bao gồm cha, mẹ, người đỡ đầu còn người đại diện gia đình còn có thể là ông, bà, chú, bác, cô, dì, anh, chị em có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục người dưới 18 tuổi. Trong các quy định của Bộ luật TTHS về việc tham gia tố tụng của bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi cũng chỉ nhắc đến một cách chung chung một số quyền, nghĩa vụ của người đại diện hợp pháp khi tham gia bảo vệ quyền, lợi ích cho họ. Điển hình như Điều 75 (lựa chọn và thay đổi NBC), Điều 418 (việc giám sát bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi), Điều 419 (bào chữa)... Người đại diện gia đình chỉ được đề cập đến trong Điều 420 chỉ có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều luật này. Mặc dù Điều 420 cũng quy định họ có các quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng nhưng quyền và nghĩa vụ đó phải phụ thuộc vào quyết định yêu cầu của CQĐT, Viện kiểm sát và Tòa án.

Hiện nay có rất nhiều ý kiến cho rằng khái niệm đại diện gia đình và đại diện hợp pháp là đồng nhất nhau. Nếu chúng ta đồng nhất hai khái niệm này sẽ dẫn đến cách hiểu là người đại diện gia đình cũng có quyền giám sát bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi hay có thể tự mình thực hiện QBC cho bị can, bị cáo trong trường hợp họ không mời NBC cho mình. Chính vì không được quy định cụ thể để đảm bảo các quyền, nghĩa vụ của mình, nên trên thực tế những chủ thể này thường bị các cơ quan THTT lạm quyền và do đó sự tham gia của họ không những không bảo vệ được quyền lợi của người dưới 18 tuổi mà đôi khi nó trở thành hình thức. Đây là một quy định chưa chặt chẽ và rõ ràng. Để tránh sự lạm quyền của các cơ quan THTT, bảo vệ quyền của bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi thì Bộ luật TTHS cần làm rõ vai trò của các chủ thể trong Điều 420. Từ lẽ đó, chúng tôi đề nghị thay cụm từ đại diện của gia đình thành đại diện hợp pháp.

“1. Các quốc gia thành viên phải đảm bảo rằng trẻ em không bị buộc phải cách ly cha mẹ trái với ý muốn của cha mẹ, trừ trường hợp những nhà chức trách có thẩm quyền, tuân theo sự xem xét của pháp luật, quyết định rằng theo luật pháp và các thủ tục thích hợp thì việc cách ly như thế là cần thiết cho những lợi ích tốt nhất của trẻ em.

2. Trong mọi quá trình tố tụng căn cứ theo khoản 1 của Điều này, tất cả các bên liên quan phải được tạo cơ hội tham gia quá trình tố tụng và bày tỏ quan điểm của mình”.

+ Như vậy, nếu người dưới 18 tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi mà không có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc thuộc trong những trường hợp cần thiết khác thì khi lấy lời khai hoặc hỏi cung người này thì không bắt buộc phải có mặt đại diện hợp pháp. Như chúng ta biết, bị can, bị cáo người dưới 18 tuổi là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi. Cho nên việc áp dụng các hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đối với bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi là từ đủ 14 đến dưới 18 tuổi, trong đó có hoạt động lấy lời khai, hỏi cung bị can. Theo chúng tôi, nhằm giúp cho người dưới 18 tuổi có được sự tự tin, bình tĩnh, khai báo đầy đủ, trung thực về vụ án khi CQĐT hỏi cung, lấy lời khai thì pháp luật cần quy định trong mọi trường hợp khi lấy lời khai, hỏi cung những chủ thể này phải có mặt của đại diện gia đình, trừ trường hợp đại diện gia đình cố ý vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Chính vì vậy, sự tham gia của đại diện hợp pháp của người dưới 18 tuổi là rất cần thiết. Để đảm bảo quyền lợi cho người dưới 18 tuổi, đảm bảo hoạt động tố tụng được khách quan, toàn diện chúng tôi cho rằng Bộ luật TTHS nên quy định: “trong mọi trường hợp, việc lấy lời khai, hỏi cung bị can tại Cơ quan điều tra bắt buộc phải có mặt đại diện hợp pháp của người chưa thành niên, trừ trường hợp đại diện hợp pháp cố ý vắng mặt mà không có lý do chính đáng”. Trên cơ sở những phân tích trên, chúng tôi kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều 420 như sau:

Đại diện hợp pháp có thể hỏi người bị tạm giữ, bị can, nếu điều tra viên không đồng ý phải ghi rõ lý do vào biên bản; được quyền đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu, khiếu nại; đọc hồ sơ vụ án khi kết thúc việc điều tra.

Hiện nay việc quy định chế định HTND trong Bộ luật TTHS là chưa cụ thể và có sự mâu thuẫn giữa Bộ luật TTHS với các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật đã gây khó khăn rất nhiều cho việc áp dụng chế định này trên thực tế. Việc quy định như hiện nay sẽ tạo điều kiện cho Mặt trận Tổ quốc và Hội đồng nhân dân các cấp lựa chọn HTND là giáo viên nhưng lại không đảm bảo được quyền lợi của bị cáo là người dưới 18 tuổi. Dù rằng những thầy cô giáo này đến tuổi nghỉ hưu hay chuyển sang công tác khác thì những hiểu biết về tâm sinh lý của người dưới 18 tuổi cũng không thể mất đi. Bên cạnh đó, trong định hướng sắp tới, nếu như thành lập Tòa án người dưới 18 tuổi thì thẩm phán phải là thẩm phán chuyên trách về gia đình và người dưới 18 tuổi.

Thứ hai, về trình tự, thủ tục tham gia tố tụng của NBC. Để thực hiện tốt nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tội phạm cũng như nhằm bảo đảm QBC của bị can, bị cáo nói chung, có thể nói rằng, Bộ luật TTHS 2015 và Luật Luật sư đã tạo ra một cơ chế pháp lý tương đối hoàn chỉnh bảo đảm việc tham gia tố tụng của NBC một cách thực chất và hiệu quả hơn. Tuy nhiên, để cơ chế pháp lý đó thực sự đi vào cuộc sống và phát huy tích cực hiệu quả của nó, trên cơ sở phân tích thực trạng và nguyên nhân của sự vi phạm các bảo đảm, chúng tôi đề xuất một số kiến nghị sau:

QBC là quyền Hiến định, là một quyền tự do dân chủ trọng yếu trong các quyền tự do dân chủ của công dân, trở thành một nguyên tắc tố tụng căn bản cần được tôn trọng và triệt để thực hiện. Hơn nữa, chế định bào chữa là chế định trọng yếu trong tố tụng, giúp công tác xét xử toàn diện và khách quan, chính xác, bảo đảm được quyền lợi hợp pháp cho bị

can, bị cáo nói chung và bảo vệ pháp chế XHCN. Có thể nói nếu bị can, bị cáo không được thực hiện đầy đủ QBC thì không gọi là công lý.

Nếu xác định quyền nhờ NBC là quyền Hiến định thì đương nhiên những người bị đặt trong vòng tố tụng phải được tiếp cận với NBC, đồng thời NBC phải được quyền tiếp cận với đương sự ngay từ đầu và trong suốt các giai đoạn tố tụng.

Việc làm khó NBC là điều không thể chấp nhận được, bởi chính sự làm khó đó đã hạn chế QBC của bị can, bị cáo, xâm phạm đến nguyên tắc của TTHS. Theo Thông tư 70/2011/TT-BCA của Bộ Công an ngày 10-10-2011 thì điều tra viên phải giải thích cho người bị bắt quyền có luật sư và cho phép người nhà của họ được yêu cầu luật sư. Nhưng trên thực tế, có bao nhiêu điều tra viên thực hiện đầy đủ trách nhiệm này, có bao nhiêu vụ án mà luật sư được ngồi nghe điều tra viên lấy lời khai từ buổi làm việc đầu tiên?

Để đảm bảo QBC của bị can, bị cáo, đảm bảo nguyên tắc pháp quyền, các cơ quan có thẩm quyền phải ban hành các quy định về các vấn đề sau:

- Một là, thể chế hóa quyền im lặng của nghi can: ngay từ lúc bắt đầu, người bị tạm giữ, tạm giam phải được cơ quan THTT giải thích rõ “ông (bà), em (đối với người chưa thành niên) có quyền giữ im lặng và không có nghĩa vụ khai báo điều gì trước khi người bào chữa có mặt”. Nếu nghi can không yêu cầu luật sư hoặc chưa mời luật sư thì cơ quan THTT phải yêu cầu Đoàn luật sư phân công luật sư cho họ;

- Hai là, thể chế hóa thái độ và quy tắc ứng xử của cơ quan THTT: một trong các thủ tục đầu tiên là cho nghi can ký vào biên bản, trong đó ghi rõ quyền và nghĩa vụ của nghi can trong quá trình tố tụng cũng như trách nhiệm phát sinh trong trường hợp nghi can khai báo mà không có NBC. Nên cho nghi can được gọi điện thoại gặp người thân để trao đổi việc bị tạm giữ, tạm giam và thống nhất việc mời NBC;

- Ba là, nâng cao vị thế của luật sư, quyền hành nghề của luật sư cần phải được tôn trọng triệt để. Chỉ cần nghi can hoặc người thân của họ ký giấy mời luật sư thì đương nhiên luật sư đó được tham dự ngay lập tức các buổi làm việc của CQĐT với thân chủ. Luật sư tham gia trong TTHS là quyền hành nghề, không cần phải “xin” cấp giấy chứng nhận NBC như hiện nay;

- Bốn là, phải có chế tài những người THPT cản trở QBC của nghi can, quyền hành nghề của luật sư. Trên thực tế, cũng chưa thấy vụ nào mà người THPT bị xử lý nghiêm túc, công khai về hành vi này cả, cùng lắm chỉ là “nhắc nhở, rút kinh nghiệm nội bộ”. Do đó, cần phải có chế tài xử lý nghiêm vi phạm của người THPT.

3.2.2. Các giải pháp về tổ chức và thực hiện

*** Xây dựng đội ngũ cán bộ Tòa án, nhất là Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân có đủ trình độ chuyên môn năng lực xét xử và có đạo đức phẩm chất nghề nghiệp**

Nhiệm vụ của Tòa án được đề ra trong Nghị quyết 08-NQ/TW phải đảm bảo chức năng độc lập xét xử, tính công khai rõ ràng minh bạch trong tranh tụng để ra phán quyết cuối cùng có sức thuyết phục, được nhân dân đồng tình ủng hộ và chính xác. Để đạt được yêu cầu nêu trên cần có những biện pháp sau:

Thứ nhất: Ngoài việc đổi mới hệ thống ngành Tòa án cần phải xem xét lựa chọn đội ngũ cán bộ Tòa án, đặc biệt là Thẩm phán đủ về số lượng, có đức, có tài và có tâm huyết với nghề, có năng lực trình độ phục vụ theo trách nhiệm vụ được giao. Người cán bộ Tòa án nói chung phải rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, tài năng, phải có bản lĩnh cả về chuyên môn, chính trị, xã hội, song lại rất cần đến lương tâm, sự thủy chung và sự trong sạch trong hoạt động nghề nghiệp.

Hoạt động lao động của Thẩm phán là hoạt động mang tính quyền lực nhân danh nhà nước và chỉ tuân theo pháp luật, là người trực tiếp xét

xử các vụ án, được pháp luật trao quyền tự do đánh giá chứng cứ trên cơ sở niềm tin nội tâm. Do vậy đội ngũ Thẩm phán cần phải có trình độ hiểu biết nắm vững pháp luật. Bản án do Thẩm phán nhân danh nhà nước công bố được người dân đồng tình ủng hộ bởi sự đúng đắn của nó. Như Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị đã nêu "...phải thực sự là chỗ dựa của dân trong việc bảo vệ công lý quyền con người đồng thời phải là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm và hành vi vi phạm.

Nhất là khi xét xử các vụ án hình sự đòi hỏi người Thẩm phán phải có trách nhiệm cao hơn vì nó quyết định đến tính mạng, danh dự nhân phẩm của con người, bắt buộc họ phải nghiên cứu kỹ hồ sơ, tạo mọi điều kiện để giải thích quyền và nghĩa vụ của bị cáo trước và trong quá trình xét xử tại phiên tòa, giải thích quyền được nhờ người bào chữa, phải hướng dẫn thủ tục cho bị cáo về thủ tục nhờ người bào chữa, cung cấp địa chỉ văn phòng nơi thực hiện chức năng bào chữa. Pháp luật tố tụng hình sự cần quy định cụ thể việc giải thích quyền tự bào chữa và nhờ người bào chữa cho bị cáo trước khi xét xử là yêu cầu bắt buộc. Nếu chưa giải thích cho bị cáo quyền này là vi phạm tố tụng.

Thứ hai: Tiêu chuẩn tuyển chọn, bổ nhiệm Thẩm phán là người có phẩm chất đạo đức, trình độ, kinh nghiệm nghề nghiệp và năng lực thực tiễn, hiểu biết rộng và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mọi tình huống và phải cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, tận tụy phục vụ nhân dân; bên cạnh đó cũng phải chú ý đến cả sức khỏe, ngoại hình, tính cách, phong cách ứng xử, năng lực sở trường công tác của người Thẩm phán và phải có bản lĩnh, dũng cảm chống lại những cám dỗ vật chất, vượt qua những hành vi cản trở, bao che, can thiệp, đe dọa để bảo vệ pháp luật vì công bằng xã hội.

Thứ ba: Hiện nay, hầu hết lực lượng Thẩm phán Tòa án nhân dân đều có trình độ cử nhân luật nhưng khoảng 70% Thẩm phán đang

nhiệm không được đào tạo cử nhân luật chính quy, nên muốn nâng cao chất lượng xét xử đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế, quốc tế góp phần vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì ngoài trình độ cử nhân luật cần phải có học hàm học vị cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ luật...), có kiến thức về kinh tế, văn hóa, trình độ ngoại ngữ, tin học thông thạo và trình độ lý luận chính trị chuyên sâu. Vì vậy, chiến lược cải cách tư pháp trong thời gian tới cần bổ sung thêm kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về chuyên ngành xét xử, kiến thức kinh tế, văn hóa, trình độ ngoại ngữ, tin học và trình độ lý luận chính trị cho đội ngũ Thẩm phán. Tổ chức tòa án không phân theo địa giới hành chính như hiện nay mà phân theo thẩm quyền của từng tòa, tòa án cấp trên còn có nhiệm vụ hướng dẫn đường lối xét xử cho tòa án cấp dưới. Do đó cần bổ sung tiêu chuẩn về học hàm, học vị, trình độ chính trị đối với Thẩm phán các cấp khi được bổ nhiệm.

Thứ tư: Để việc xét xử của Thẩm phán đạt hiệu quả cao hơn trong giai đoạn hiện nay, tránh tình trạng văn bản này chồng chéo với văn bản kia làm cho Thẩm phán không biết áp dụng văn bản nào để xét xử cho đúng thì hệ thống pháp luật, văn bản luật, pháp lệnh, văn bản hướng dẫn thi hành phải đồng bộ, đủ để điều chỉnh mọi lĩnh vực đời sống, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Nội dung văn bản quy phạm phải đảm bảo tính thứ bậc đồng bộ thống nhất và minh bạch.

Thứ năm: Để đảm bảo pháp lý cao trong việc xây dựng đội ngũ Thẩm phán chính quy tinh nhuệ, hiện đại cần nghiên cứu ”nâng cấp¹¹ Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân hiện hành thành ”Luật Thẩm phán” nhằm nâng cao hơn nữa vị trí, vai trò cũng như trách nhiệm của đội ngũ Thẩm phán trong hoạt động xét xử, đảm bảo tốt hơn các điều kiện tiêu chuẩn, cũng như các trình tự tuyển chọn, bổ nhiệm miễn nhiệm cách chức, điều động biệt phái, thống nhất hóa việc quy định

các quyền và nghĩa vụ cơ bản của Thẩm phán hiện đang được quy định rải rác ở các văn bản pháp luật khác.

Để nâng cao năng lực và trách nhiệm của Thẩm phán, đảm bảo Thẩm phán, HTND có đủ trình độ và bản lĩnh để xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, mọi cơ quan tổ chức cá nhân không được can thiệp vào quá trình ra quyết định, bản án của Tòa án thì cần xóa bỏ tình trạng "án bỏ túi", "duyet án".

*** Tăng cường đội ngũ luật sư, người bào chữa**

Bảo đảm QBC của bị can, bị cáo được Bộ luật TTHS 1988 ghi nhận và Bộ luật TTHS 2003 kế thừa.

Bảo đảm được quyền tự bào chữa và quyền nhờ người khác bào chữa cho mình khi tham gia TTHS là thể hiện được sự văn minh, dân chủ trong quá trình tố tụng. Trong điều kiện đất nước bước vào thời kỳ đổi mới toàn diện, theo định hướng XHCN, Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định vai trò của NBC nói chung và luật sư nói riêng trong hệ thống các cơ quan tư pháp, đề ra nhiều biện pháp quan trọng nhằm phát huy vai trò của luật sư.

Trong đó, vấn đề có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả hoạt động bào chữa phải là việc nâng cao năng lực trách nhiệm của những người làm công tác bào chữa. Để đạt được mục tiêu nói trên, theo chúng tôi, cần phải quán triệt các yêu cầu sau:

Xây dựng đội ngũ những người làm công tác bào chữa thực sự có năng lực, không chỉ thỏa mãn các điều kiện về tiêu chuẩn pháp luật mà cái chính ở đây là phải đáp ứng được những yêu cầu của thực tiễn tố tụng. Bởi lẽ đó, đội ngũ những người làm công tác bào chữa phải được đào tạo chuyên sâu về người dưới 18 tuổi (giống như xây dựng đội ngũ những người THPT chuyên trách), bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng hành nghề.

*** Đảm bảo chính sách, chế độ đối với cán bộ Tòa án và cơ sở vật chất tạo điều kiện cho cán bộ Tòa án hoạt động xét xử án hình sự đạt hiệu quả**

Công tác xét xử là một nghề nghiệp đặc biệt. Chỉ có Thẩm phán và HTND mới được Nhà nước giao cho trọng trách nhân danh Nhà nước tiến hành hoạt động xét xử. Lao động của Thẩm phán là lao động có tính đặc thù nghề nghiệp cao. Do đó, Nhà nước cần có chế độ đãi ngộ hợp lý, chính sách hỗ trợ thỏa đáng cho Thẩm phán nhất là những cán bộ làm ở những huyện miền núi, xa xôi, hẻo lánh để tạo điều kiện cho họ hăng say với nghề nghiệp. Như cải cách cơ bản chế độ tiền lương, phụ cấp lương và các điều kiện vật chất khác cho Thẩm phán, cán bộ Tòa án. Kinh nghiệm ở nhiều nước cho thấy để chất lượng xét xử được nâng cao cũng như tính độc lập của Thẩm phán phải có 2 điều kiện là: bổ nhiệm Thẩm phán với nhiệm kỳ lâu dài và đảm bảo đầy đủ đời sống cho các Thẩm phán.

Hiện đại hóa từng bước các hoạt động xét xử, tạo lập cơ sở vật chất, điều kiện làm việc. Như toàn bộ tang vật vụ án thu được cần quay chụp theo từng góc độ có sự giám sát của KSV, để tránh tình trạng điều tra viên lược bỏ hoặc thay đổi tang vật cũng như nội dung vụ án. Tại phiên tòa các vật chứng phải được công bố công khai bằng hình ảnh để bị cáo và những người tham gia tố tụng khác xác nhận. Còn tình trạng hiện nay khi xét xử các vụ án hình sự hầu hết tang vật không được xem xét, trừ những vụ án có người bào chữa tham gia yêu cầu xem xét vật chứng hoặc vụ án được đưa đi xét xử lưu động.

Ngoài ra, cần cung cấp đầy đủ các văn bản pháp luật và tài liệu hướng dẫn áp dụng pháp luật cho cán bộ, Thẩm phán tạo điều kiện cho họ nghiên cứu chuyên sâu nghiệp vụ phục vụ công tác xét xử.

Với HTND cần có chính sách đãi ngộ cho họ thỏa đáng như trang phục xét xử, khen thưởng, bồi dưỡng nghiệp vụ và ngày công xét xử tại

phiên tòa cần được nâng cao hơn lên mức 200.000đ/l ngày so với hiện tại. Để họ có trách nhiệm và hăng say với công việc.

*** Tăng cường công tác kiểm tra giám sát việc đảm bảo quyền bào chữa**

Quyền bào chữa là quyền cơ bản của con người, được pháp luật ghi nhận và bảo đảm thực hiện. Để nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa được áp dụng có hiệu quả thì bên cạnh việc ghi nhận đầy đủ các nội dung của nguyên tắc thì cần có cơ chế pháp lý để bảo đảm cho quyền bào chữa được thực thi hữu hiệu trên thực tế; bảo đảm sự công khai, minh bạch, dân chủ. Theo PGS.TS. Nguyễn Đăng Dung thì: Những quyền vốn có của con người một cách tự nhiên, không cần thiết đến sự ban phát, hay thừa nhận, hay mặc cả từ bất kể chủ thể nào, kể cả từ phía nhà nước... một trong những chủ thể quan trọng có nguy cơ cao hơn cả hay vi phạm đến những quyền tự nhiên ấy là các cơ quan nhà nước đại diện cho quyền lực nhà nước... Vì vậy bên cạnh việc được lĩnh trách nhiệm bảo vệ nhân quyền, là việc nhà nước phải có những biện pháp ngăn chặn ngay sự vi phạm nhân quyền từ chính cơ quan nhà nước.

Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là người đại diện cho quyền lực nhà nước, được nhà nước giao nhiệm vụ trong hoạt động tố tụng, bảo vệ pháp luật, bảo đảm cho hoạt động tố tụng đúng pháp luật. Họ là người được nhà nước giao quyền nhất định, trực tiếp áp dụng các quy định về quyền bào chữa. Với quyền lực trong khả năng của mình, họ lại chính là chủ thể có khả năng cao dễ vi phạm các quyền cơ bản của người nói chung trong đó có quyền bào chữa. Do đó cần thiết đặt ra các cơ chế nhằm bảo đảm cho quyền bào chữa được thực thi hiệu quả như cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực thi và xử lý các vi phạm quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.

Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh đã được kiện toàn và thực hiện việc giám sát hoạt động của các cơ quan tư pháp (Tòa án nhân dân

tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh). Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã thực hiện giám sát hoạt động thông qua hoạt động tuyển chọn Thẩm phán, Kiểm sát viên; giới thiệu Hội thẩm nhân dân, cử Bào chữa viên nhân dân. Ngoài ra Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên còn thực hiện giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo góp phần hạn chế những sai sót, khuyết điểm và vi phạm trong việc giải quyết các vụ án nói chung và giải quyết vụ án hình sự nói riêng, góp phần bảo vệ quyền của bị can, bị cáo. Tuy nhiên việc giám sát hiện nay còn mang tính hình thức, công kênh, chưa thật sự hiệu quả; các đại biểu Hội đồng nhân dân hiện nay hầu hết là kiêm nhiệm, được bầu theo cơ cấu nên khó có điều kiện thực hiện tốt việc giám sát công tác tư pháp. Các quy định về giám sát hoạt động tư pháp chưa cụ thể, chưa khuyến khích được nhân dân cùng tham gia công tác giám sát và có ý kiến để nâng cao hiệu quả công tác này. Chưa xây dựng được cơ chế cụ thể cho hoạt động giám sát của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức thành viên nên chưa phát huy hiệu quả quyền làm chủ của nhân dân đối với hoạt động tư pháp nên hiệu quả chưa cao.

Các phương tiện thông tin truyền thông đã chủ động trong việc đưa thông tin về hoạt động tư pháp qua đó tuyên truyền giáo dục pháp luật trong nhân dân; đồng thời đưa tin làm sáng tỏ những sai phạm, thiếu sót trong hoạt động tư pháp, góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trong tố tụng hình sự. Tuy nhiên cần tăng cường hơn nữa công tác này, nâng cao vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền, cung cấp thông tin về hoạt động tư pháp... “Có chính sách đầu tư, hỗ trợ kinh phí để các phương tiện thông tin đại chúng và các cơ quan tư pháp đưa tin thường xuyên, đầy đủ, kịp thời các hoạt động tư pháp đến mọi tầng lớp nhân dân; góp phần minh bạch hóa các hoạt động tư pháp, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành

pháp luật của nhân dân, tạo điều kiện để nhân dân tham gia giám sát các hoạt động tư pháp”.

Tiểu kết chương

Bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo là người dưới 18 tuổi đã góp phần không nhỏ vào công cuộc xây dựng đất nước, đảm bảo pháp chế XHCN phù hợp với đường lối xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN đã được Đảng, Nhà nước xác định rõ trong các văn bản quan trọng nhất và được nhân dân đồng tình ủng hộ. Đó là yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền đòi hỏi phải thiết lập được một nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, kiểm soát và phòng chống các vi phạm pháp luật một cách hiệu quả, duy trì và bảo vệ công lý.

Tổ tụng hình sự là hoạt động đặc thù của nhà nước nhằm phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội với đòi hỏi bảo đảm tính công bằng của pháp luật; bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong quá trình giải quyết vụ án hình sự ngày càng cao.

Vấn đề bảo đảm quyền bào chữa đã được Luật Tổ tụng hình sự Việt Nam ghi nhận là nguyên tắc cơ bản trong tổ tụng hình sự và ngày càng được hoàn thiện đã bảo đảm tốt hơn quyền con người trong đó có quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Đồng thời với việc bảo vệ quyền của người yếu thế, việc bảo đảm thực hiện tốt quyền bào chữa có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng. Nó buộc các cơ quan này phải thật sự cẩn trọng, có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ, qua đó giảm thiểu sai lầm, giúp cho việc giải quyết vụ án được khách quan, công bằng, hiệu quả; đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; không làm oan người không có tội hoặc bỏ lọt tội phạm. Các cơ quan này sẽ phải không ngừng nâng cao, hoàn thiện năng lực chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức nhằm đáp

ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội trong đấu tranh phòng chống tội phạm và bảo vệ quyền con người trong tổ tụng hình sự.

KẾT LUẬN

Quyền bào chữa của bị cáo là người dưới 18 tuổi là một trong những quyền quan trọng được pháp luật tổ tụng hình sự quy định nhằm chống lại sự buộc tội của cơ quan có thẩm quyền buộc tội, để bảo vệ các quyền lợi ích chính đáng của bị cáo. Quyền bào chữa không chỉ thể hiện tính dân chủ trong hoạt động tố tụng mà còn là yếu tố bảo đảm cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử đúng người đúng tội, tránh những vi phạm có thể xảy ra từ phía cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

Nâng cao quyền bào chữa của bị cáo là người dưới 18 tuổi giúp hoạt động xét xử án hình sự đạt chất lượng cao, tỷ lệ án oan sai đã giảm mạnh, việc xét xử diễn ra công khai minh bạch hơn, yếu tố tranh tụng đã từng bước được nâng lên. Song bên cạnh đó việc bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo còn nhiều bất cập do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau. Những tồn tại, thiếu sót này ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả xét xử nói chung và giảm niềm tin của nhân dân đối với hoạt động xét xử của Tòa án các cấp.

Bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo là người dưới 18 tuổi đã góp phần không nhỏ vào công cuộc xây dựng đất nước, đảm bảo pháp chế XHCN phù hợp với đường lối xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN đã được Đảng, Nhà nước xác định rõ trong các văn bản quan trọng nhất và được nhân dân đồng tình ủng hộ. Đó là yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền đòi hỏi phải thiết lập được một nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, kiểm soát và phòng chống các vi phạm pháp luật một cách hiệu quả, duy trì và bảo vệ công lý.

Do vậy để công cuộc cải cách tư pháp trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền cần đổi mới hệ thống tư pháp, hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao quyền bào chữa của bị cáo và các hoạt động tư pháp liên quan đảm bảo cho bị cáo thực hiện quyền bào chữa một cách tốt

nhất để hoạt động xét xử thực sự đạt chất lượng và hiệu quả đáp ứng yêu cầu của nền tư pháp dân chủ nghiêm minh.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 “Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”*, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 “Về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020”*, Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 “Về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”*, Hà Nội.
4. Bộ công an (2011), *Thông tư số 70/2011/TT-BCA ngày 10/10/2011 Quy định chi tiết thi hành các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự liên quan đến việc bảo đảm quyền bào chữa trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*, Hà Nội.
5. Bộ Tư pháp (2009), *Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát về tổ chức và hoạt động tham gia tố tụng của luật sư*, Hà Nội.
6. Lê Cẩm (2006), “*Các nguyên tắc cơ bản của cải cách tư pháp trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam*”, Tạp chí Tòa án nhân dân, (01), tr.11-18.
7. Nguyễn Ngọc Chí chủ biên (2013), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Chủ tịch Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (1946), *Sắc lệnh số 13 ngày 24/01/1946*, Hà Nội.
9. Chủ tịch Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (1946), *Sắc lệnh số 51 ngày 17/4/1946*, Hà Nội.

10. Chủ tịch lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa (1945), *Sắc lệnh số 33c ngày 13/9/1945*, Hà Nội.
11. Hà Hùng Cường (2013), *Hiến pháp năm 2013 tạo nền tảng pháp lý vững chắc cho việc đẩy mạnh cải cách tư pháp theo Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.
12. Đại hội đồng Liên hợp quốc (1950), *Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền, ngày 10/12/1948*, Hà Nội.
13. Đại hội đồng Liên hợp quốc (1966), *Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, ngày 16/12/1966*, Hà Nội
14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08/2002/NQ-TW ngày 31/10/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tư pháp*, Hà Nội
15. Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết 05/2005/NQ-TW ngày 2/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội
16. Phạm Hồng Hải (1999), *Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
17. Phạm Hồng Hải (2006), *Những điểm mới về trách nhiệm, nghĩa vụ của người bào chữa trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003*, Kỷ yếu Hội thảo Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ “Bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự Việt Nam”, thành phố Hồ Chí Minh.
18. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2004), *Nghị quyết số 03/2004/NQ-HĐTP ngày 02/10/2004 hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất “những quy định chung” của Bộ luật tố tụng năm 2003*, Hà Nội.
19. Phạm Mạnh Hùng (2003), *Chế định trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

20. Nguyễn Thái Phúc (2007), “*Sự tham gia bắt buộc của người bào chữa trong tố tụng hình sự*”, Tạp chí Khoa học pháp lý, (4), tr.41.
21. Nguyễn Thái Phúc (2009), *Bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ* (báo cáo cơ sở).
22. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1998, 2003), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.
23. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật dân sự*, Hà Nội
24. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.
25. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
26. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Hà Nội.
27. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1946, 1959, 1980, 1992, 2013), *Hiến pháp*, Hà Nội.
28. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2002), *Luật Tổ chức toà án nhân dân năm 1960*, Hà Nội.
29. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2004), *Luật bảo vệ, giáo dục và chăm sóc trẻ em*, Hà Nội
30. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), *Luật Trợ giúp pháp lý*, Hà Nội.
31. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật tổ chức điều tra hình sự*, Hà Nội.
32. Lương Thị Mỹ Quỳnh (2013), *Quyền có người bào chữa trong tố tụng hình sự Việt Nam, Đức và Hoa Kỳ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
33. Hoàng Thị Minh Sơn và nhóm tác giả (2009), *Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự nhằm nâng cao hiệu quả xét xử theo tinh thần cải*

cách tư pháp, đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường Đại học luật Hà Nội, Hà Nội.

34. Hoàng Thị Sơn (2000), “*Về khái niệm quyền bào chữa và việc bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo*”, Tạp chí Luật học.
35. Hoàng Thị Sơn (2002), “*Thực trạng thực hiện nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo*”, Tạp chí Luật học.
36. Lê Hồng Sơn (2002), “*Vấn đề thực hiện quyền của người bào chữa trong tố tụng hình sự*”, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (5), tr. 21.
37. Tòa án nhân dân tối cao (1976), *Tập hệ thống hóa luật lệ về tố tụng hình sự*, tr.38-39, Hà Nội.
38. Tòa án nhân dân tối cao (2009-2013), *Báo cáo tổng kết công tác của Tòa án nhân dân*, Hà Nội.
39. Tòa án nhân dân tối cao (2013), *Báo cáo công tác của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về công tác xét xử*, Hà Nội
40. Bùi Bảo Trâm (2008), *Nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo*”, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa luật – Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
41. Nguyễn Văn Tuấn (2000), “*Luật sư và vấn đề đạo đức nghề nghiệp*”, Tạp chí Dân chủ và pháp luật.
42. Viện Khoa học pháp lý thuộc Bộ Tư pháp (2006), *Từ điển luật học*, tr.33, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
43. Vụ công tác lập pháp, Viện Khoa học kiểm sát (2003), *Những sửa đổi cơ bản của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003*, tr.29, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
44. Nguyễn Như Ý (2005), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, tr.287